



60 NĂM - 1 NIỀM TIN



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2023



www.bepharco.com



MỤC LỤC

CHƯƠNG 01 05

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin tổng quan doanh nghiệp
Hành trình 60 năm kiến tạo giá trị
Các thành tích tiêu biểu
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị và cơ cấu quản lý
Các sản phẩm nổi bật
Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi
Định hướng phát triển
Các rủi ro trong quá trình hoạt động

CHƯƠNG 02 35

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Chính sách nhân sự
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

CHƯƠNG 03 61

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai

CHƯƠNG 04 71

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành
Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

CHƯƠNG 05 75

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ủy ban kiểm toán
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban điều hành
Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Tổng công ty

CHƯƠNG 06 89

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin tổng quan doanh nghiệp

Hành trình 60 năm kiến tạo giá trị

Các thành tích tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và cơ cấu quản lý

Các sản phẩm nổi bật

Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi

Định hướng phát triển

Các rủi ro trong quá trình hoạt động



THÔNG TIN TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch	:	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
Tên tiếng Anh	:	Ben Tre Pharmaceutical Joint-Stock Company
Tên viết tắt	:	BEPHARCO
Vốn điều lệ	:	163.254.770.000 đồng
Mã cổ phiếu	:	DBT
Giấy CNDKKD	:	1300382591 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 05/07/2004 và thay đổi lần thứ 22 ngày 15/09/2023 Tại Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bến Tre.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Địa chỉ	:	Số 6A3 quốc lộ 60, phường Phú Tân, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Văn phòng	:	Số 11 Nguyễn Trọng Quyền, P. Tân Thới Hòa, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại	:	(028) 3622 0205
Số Fax	:	(028) 3868 1911
Email	:	bepharco.vietnam@bepharco.com
Website	:	www.bepharco.com



HÀNH TRÌNH **60** NĂM KIẾN TẠO GIÁ TRỊ

Tiền thân của Bepharco được thành lập

Tiền thân Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre là phòng Bào chế thuốc của Ban Dân Y Bến Tre, được thành lập.

Xí nghiệp Liên hợp dược Bến Tre được thành lập

Xí nghiệp Liên hợp Dược Bến Tre được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai doanh nghiệp là Công ty Dược phẩm tỉnh Bến Tre (được thành lập năm 1976) và Xí nghiệp Dược phẩm tỉnh Bến Tre (được thành lập năm 1978).

Niêm yết trên sàn chứng khoán HNX

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (BEPHARCO) chính thức được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là DBT (theo quyết định niêm yết số 657/QĐ-SGDHN do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ký ngày 13/10/2009).

Trở thành cổ đông chiến lược của Codupha

Tháng 9/2015 Bepharco trở thành cổ đông chiến lược của Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 (Codupha) với 14,76% cổ phần.

1963

1976

1983

1992

2004

2009

2014

2015

Công ty Dược phẩm Bến Tre ra đời

Phòng Bào chế thuốc và Tổng kho dược tỉnh Bến Tre sáp nhập thành Công ty Dược phẩm Bến Tre.

Xí nghiệp Liên hợp dược Bến Tre đổi tên thành Công ty Dược & Vật tư y tế Bến Tre (Bepharco)

Xí nghiệp Liên hợp Dược Bến Tre được đổi tên thành Công ty Dược & Vật tư Y tế Bến Tre – Bepharco. Khi đó Công ty Dược & Vật tư Y tế Bến Tre – Bepharco có nhiệm vụ chính là sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế.

Cổ phần hoá Bepharco

Công ty Dược & Vật tư Y tế Bến Tre – Bepharco chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần. Vốn điều lệ của Công ty sau cổ phần hoá là 20 tỷ đồng (tương đương 2 triệu cổ phần), trong đó nhà nước chiếm cổ phần chi phối 51% vốn điều lệ tương đương 1,02 triệu cổ phần.

Nhà nước thoái vốn toàn bộ tại Bepharco

Tháng 12/2014, Nhà nước thực hiện thoái vốn toàn bộ tại Bepharco.



HÀNH TRÌNH 60 NĂM KIẾN TẠO GIÁ TRỊ

Bepharco sở hữu Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái và Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang

Tháng 3/2017 CTCP Dược phẩm Yên Bái (Ypharco) trở thành công ty con của Bepharco, Bepharco sở hữu với tỷ lệ 51,84%.

Tháng 4/2017 CTCP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang (Biopharco) trở thành Công ty con của Bepharco, Bepharco sở hữu với tỷ lệ 51,00%.

Bepharco chính thức chuyển sang niêm yết trên sàn HOSE

Bepharco khởi đầu hành trình mới sau những bước tiến mạnh mẽ, vững chắc và bút phá với sự kiện chính thức chuyển sàn sang niêm yết trên HOSE sau 11 năm niêm yết trên HNX.

Đánh dấu cột mốc 60 năm thành lập

Tháng 3.2023 Bepharco hoàn tất M&A Ypharco Healthcare - Công ty chuyên sản xuất và gia công các TPBVSK, Dược Mỹ Phẩm từ nguồn nguyên liệu thân thiện môi trường, dựa trên các đề tài, đề án khoa học và bài thuốc cổ phương hiệu nghiệm, sản xuất tại nhà máy hiện đại. 17.06.2023 trải qua 60 năm hình thành và phát triển, Bepharco hướng tới top 5 công ty phân phối dược phẩm tại Việt Nam. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế với các đối tác lớn tại Châu Âu, Châu Á để khẳng định vị thế vững chắc trên bản đồ ngành dược Việt Nam cũng như từng bước xuất khẩu các sản phẩm chất lượng ra các nước trong khu vực.

2017

2019

2020

2022

2023

Bepharco tăng vốn điều lệ và tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái

Công ty phát hành riêng lẻ 1.214.320 cổ phiếu cho các nhà đầu tư chiến lược, tăng vốn điều lệ lên 135,28 tỷ đồng.

Tháng 7/2019, Bepharco thực hiện tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty con Ypharco từ 51,83% lên thành 82,15% nhằm tăng quyền chủ động điều hành trong sản xuất kinh doanh.

Thành lập Công ty CP Bepharco Healthcare


Thành lập Công ty CP Bepharco Healthcare đặt trụ sở tại KCN Sonadezi Châu Đức

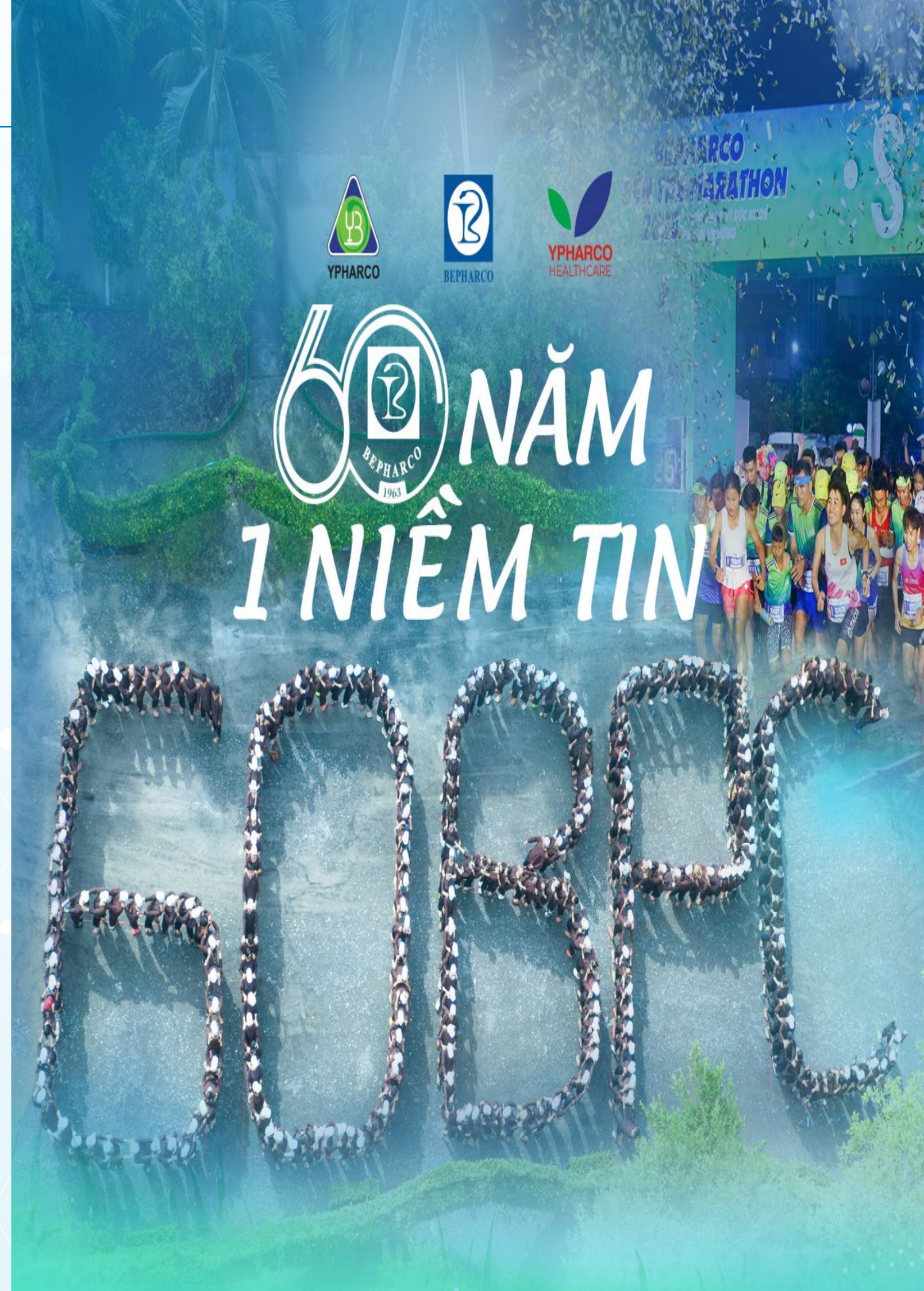




CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU

Trong nhiều năm qua, Bepharco đã vinh dự nhận được nhiều bằng khen, giải thưởng bình chọn, cúp chứng nhận từ Nhà nước, các bộ ngành và địa phương, cụ thể như sau:

-  Huân chương lao động hạng 3 năm 1987 - Chủ tịch nước.
-  Huân chương lao động hạng 2 năm 1992 - Chủ tịch nước.
-  Huân chương lao động hạng 1 năm 1997- Chủ tịch nước.
-  Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2005, 2008 - Bộ Khoa học và Công nghệ.
-  Doanh nghiệp Việt Nam Uy tín - Chất lượng (Trust brand) năm 2006, 2007, 2008 - Báo Thông tin thương mại (Bộ thương mại) - Vietnaminterprise.
-  Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2006, 2008 - UBND tỉnh Bến Tre.
-  Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2006 - Cờ thi đua Chính phủ.
-  Đơn vị xuất sắc nhất trong phong trào "Xanh, sạch, đẹp."
-  Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động" năm 2005 - Tổng LĐLĐ Việt Nam.
-  Đơn vị đạt giải nhì khối thi đua năm 2010 - UBND tỉnh Bến Tre;
-  Bằng khen của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam - Với thành tích đã thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT năm 2015 và 2016.
-  Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tôn vinh là một trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX năm 2015 - 2016.
-  Top 10 công ty phân phối, kinh doanh dược phẩm; trang thiết bị, vật tư y tế Việt Nam uy tín năm 2020 do VNR đánh giá xếp hạng.





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- » Sản xuất, kinh doanh thuốc trị bệnh cho người.
- » Bán buôn, bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm.
- » Xuất nhập khẩu các mặt hàng: thuốc thành phẩm, bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học.
- » Kinh doanh các loại máy móc, trang thiết bị y tế.
- » Cho thuê mặt bằng kinh doanh.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Bepharco có hệ thống phân phối rộng khắp 63 tỉnh thành trên toàn quốc:

- **Trụ sở chính:** tại TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- **Văn phòng điều hành:** tại TPHCM (gồm Ban điều hành và các phòng ban chức năng).
- **09 chi nhánh trực thuộc:** mạng lưới bán hàng phủ khắp toàn quốc

09

Chi nhánh trực thuộc

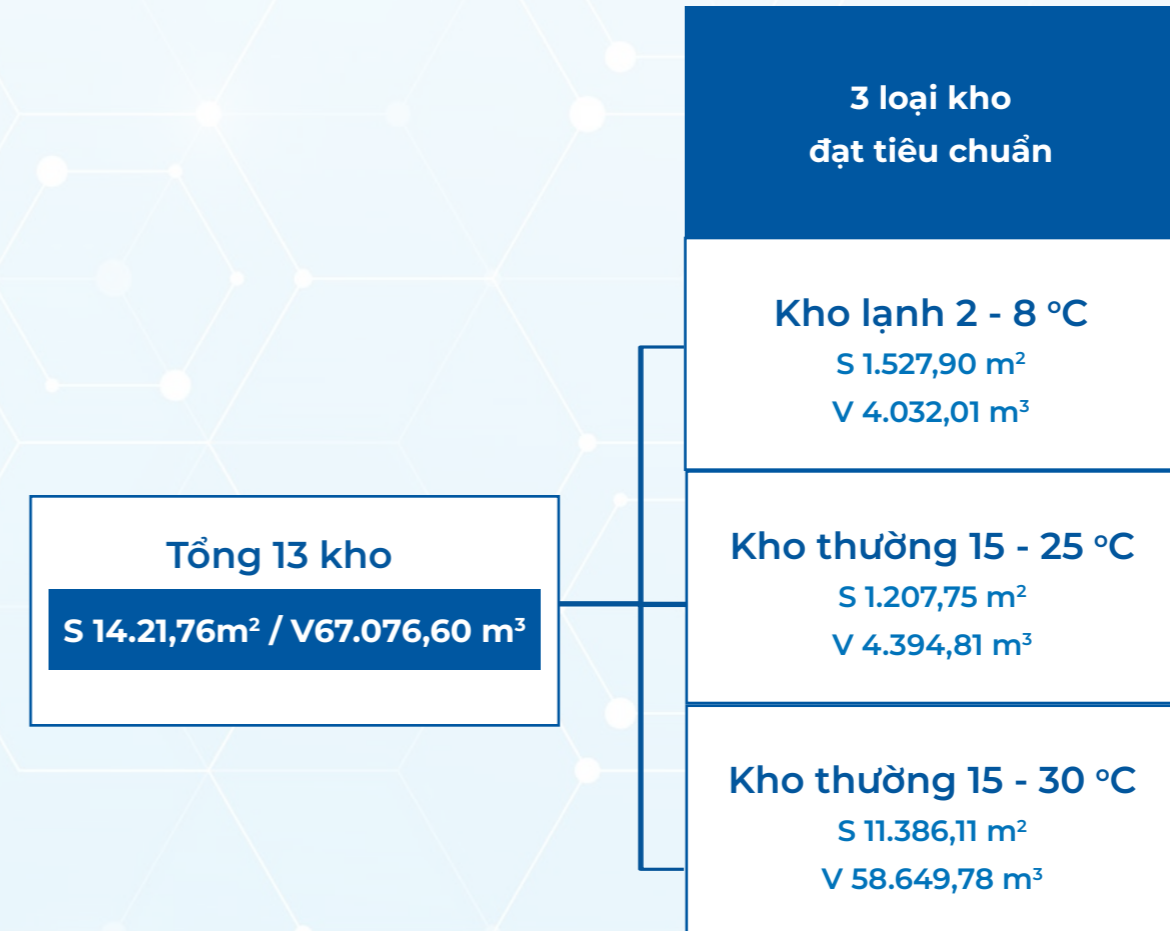
> 35.000

Khách hàng trên toàn quốc

CÁC KÊNH PHÂN PHỐI

Kênh OTC	Kênh ETC - thầu	Kênh ETC - dịch vụ	Kênh E - commerce
Bao gồm quầy thuốc, nhà thuốc tư nhân, công ty phân phối của cửa hàng bán lẻ, chuỗi nhà thuốc lớn,...	Bao gồm bệnh viện, phòng khám và trung tâm y tế,...	Bao gồm bệnh viện tư nhân, phòng khám bác sĩ.	Bao gồm các sàn thương mại điện tử & Website (đang xây dựng).

HỆ THỐNG KHO LƯU TRỮ





- 01 Chi nhánh Yên Bái**
 Phân phối trên địa bàn **09** tỉnh, gồm Yên Bái, Hà Giang, Điện Biên, Lai Châu, Phú Thọ, Sơn La, Tuyên Quang, Lào Cai, Vĩnh Phúc.
- 02 Chi nhánh Hà Nội**
 Phân phối trên địa bàn **11** tỉnh, gồm Hà Nội, Bắc Giang, Hải Phòng, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Kạn, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng.
- 03 Chi nhánh Ninh Bình**
 Phân phối trên địa bàn **07** tỉnh, gồm Cần Thơ, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng.
- 04 Chi nhánh Đà Nẵng**
 Phân phối trên địa bàn **08** tỉnh, gồm Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An.
- 05 Chi nhánh Tây Nguyên**
 Phân phối trên địa bàn **05** tỉnh, gồm Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng.
- 06 Chi nhánh Khánh Hòa**
 Phân phối trên địa bàn **05** tỉnh, gồm Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Ninh Thuận, Bình Thuận.
- 07 Chi nhánh TP.HCM**
 Phân phối trên địa bàn **06** tỉnh, gồm TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu.
- 08 Chi nhánh Bến Tre**
 Phân phối trên địa bàn **06** tỉnh, gồm Bến Tre, Long An, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp.
- 09 Chi nhánh Cần Thơ**
 Phân phối trên địa bàn **07** tỉnh, gồm Cần Thơ, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ



SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ỦY BAN KIỂM TOÁN

CÔNG TY CODUPHA (*)
Công ty liên kết

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
MARKETING

GIÁM ĐỐC
VẬN HÀNH KD

GIÁM ĐỐC
KÊNH OTC

GIÁM ĐỐC
KÊNH DV

GIÁM ĐỐC
KÊNH ETC

GIÁM ĐỐC
MUA HÀNG

GIÁM ĐỐC
TÀI CHÍNH

GIÁM ĐỐC
CNTT

GIÁM ĐỐC
NHÂN SỰ

TP. MARKETING

TP. TRADE MARKETING

TP. VẬN HÀNH KINH DOANH

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

TP. ĐK THUỐC VÀ PTSP

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN

TP. MUA HÀNG

TP. KHO VẬN

TP. KHO VẬN

TP. TÀI CHÍNH

- PP. Marketing Đông dược
- Chuyên viên quản lý nhân
- Nhân viên chuyên môn
- Nhân viên thương hiệu
- Nhân viên thiết kế
- PP. Marketing HD & TPCN
- Chuyên viên quản lý nhân
- Nhân viên chuyên môn
- NV Digital Marketing
- Nhân viên nội dung

- NV Chính sách bán hàng
- NV Trade Marketing CN
- Admin eCommerce
- Nhân viên CSKH

- Phó phòng (Kênh OTC)
- Admin OTC
- Admin ETC
- Admin KDV

- PGĐ CN Kênh OTC
- GSBH Kênh OTC
- Nhân viên bán hàng
- Môi giới bán hàng

- GSBH Kênh dịch vụ
- NVBH Kênh dịch vụ
- Môi giới bán hàng

- Trưởng BP Admin CN
- Phó BP Admin CN
- NV xuất hóa đơn
- NV hợp đồng thầu
- Thủ kho
- Phụ kho
- NV lái xe

- PGĐ CN Kênh ETC
- Nhân viên bán hàng
- Môi giới bán hàng

- NV đăng ký thuốc
- NV đăng ký TPCN

- NV xuất nhập khẩu
- NV mua hàng trong nước
- NV mua bao bì, NVL
- NV mua hàng khác

- NV QA phân phối
- NV thống kê kho
- Thụ kho Phụ kho
- NV vận chuyển HH

- KT tổng hợp và thuế
- KT HTK và giá thành
- KT công nợ phải thu
- KT công nợ phải trả
- KT ngân hàng
- KT chi nhánh
- KT công nợ

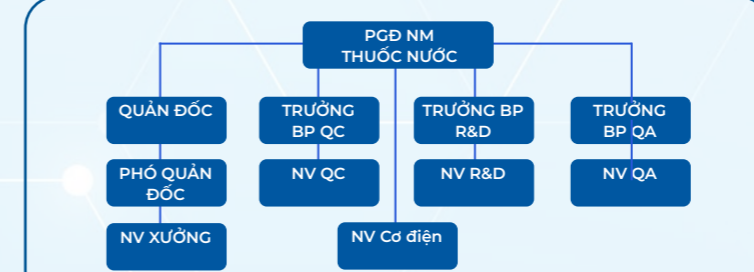
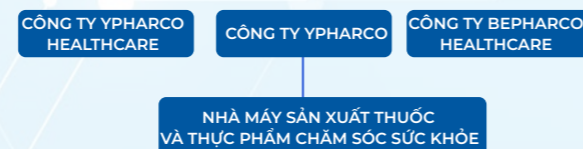
- Chuyên viên nguồn vốn
- Chuyên viên phân tích

- NV phần cứng
- Chuyên viên phân phối

- NV tuyển dụng
- NV đào tạo
- NV nhân sự
- NV hành chính
- NV lái xe

KHỐI SẢN XUẤT

Công ty con



* Đã không còn là công ty liên kết từ ngày 30/06/2023

CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT



CÔNG TY CON



Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI
Địa chỉ	Số 725 Yên Ninh, P.Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Yên Bái
Lĩnh vực	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm
Tỷ lệ lợi ích	92,40%
Tỷ lệ biểu quyết	92,40%
Số điện thoại	02163.852.523
Email	ypharco@ypharco.com
Website	www.ypharco.com



Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN BEPHARCO HEALTH CARE
Địa chỉ	Lô E, đường D03 KCN Châu Đức, xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Lĩnh vực	Sản xuất kinh doanh dược phẩm, hoá dược, dược liệu.
Tỷ lệ lợi ích	100%
Tỷ lệ biểu quyết	100%

CÔNG TY LIÊN KẾT



Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN YPHARCO HEALTHCARE
Địa chỉ	Đường D1, khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị Trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Lĩnh vực	Kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.
Tỷ lệ lợi ích	47,9%
Tỷ lệ biểu quyết	49%
Số điện thoại	(028) 36 220 205
Email	bepharco.vietnam@bepharco.com
Website	www.ypharco.com

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



CÁC DẠNG BÀO CHẾ



CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU





TÂM NHÌN

Trở thành **1** trong **5** công ty phân phối dược hàng đầu Việt Nam với đa dạng các sản phẩm thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, trang thiết bị y tế chất lượng cao và từng bước vươn ra thị trường quốc tế.

Mang đến những sản phẩm tốt nhất cho sức khỏe nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và luôn có trách nhiệm với cộng đồng.



SỨ MỆNH

➤ CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

➤ Góp phần vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, với phương châm: “THUỐC TỐT – SỨC KHỎE TỐT”.

➤ Hướng đến mục tiêu nằm trong top 5 công ty phân phối dược phẩm uy tín nhất của Việt Nam, từng bước mở rộng ra thị trường các nước trong khu vực và trên thế giới.

➤ Tập trung công tác đầu tư và phát triển để có thể sản xuất các sản phẩm mới, có chất lượng tốt, tăng cường nhập khẩu và liên kết với các doanh nghiệp trong ngành để đa dạng hoá các sản phẩm.

➤ Cải tiến các sản phẩm hiện có cho phù hợp với thị trường, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực, truyền thống do công ty sản xuất, kinh doanh.

➤ Xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, phát triển mạng lưới bán hàng phủ khắp 63/63 tỉnh thành trong cả nước.

➤ Trở thành nhà phân phối lớn, uy tín với mạng lưới bán hàng phủ khắp 63 tỉnh thành cùng với cơ sở vật chất hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác bán hàng.

➤ Đẩy mạnh phát triển song song và đồng bộ trên 4 kênh bán hàng: kênh OTC, kênh ETC - thấu, kênh ETC - dịch vụ, kênh E-commerce.



➤ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

➤ Triển khai đầu tư, nghiên cứu, đăng ký những sản phẩm mới từ hóa dược, sinh phẩm và đặc biệt là nhóm sản phẩm đông dược, dược liệu mà Việt Nam có lợi thế để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường.

➤ Đẩy mạnh tìm kiếm đối tác hợp tác sản xuất trong và ngoài nước, mục tiêu đưa vào thị trường nhiều sản phẩm mới phù hợp chiến lược kinh doanh.

➤ Triển khai đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ bán hàng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong tình hình mới.

➤ Đầu tư nâng cấp, xây dựng bộ nhận diện thương hiệu từ Công ty mẹ đến các Công ty con.

➤ Liên tục đầu tư, nâng cấp ứng dụng công nghệ trong công tác sản xuất, quản lý, kinh doanh và bán hàng, phù hợp tốc độ chuyển đổi số của Việt Nam hiện nay và định hướng trong thời gian tới.

➤ Tăng cường đầu tư hệ thống cơ sở vật chất từ công ty mẹ đến các công ty con, từ văn phòng điều hành đến mạng lưới 9 chi nhánh trực thuộc, cũng như hệ thống logistic phục vụ cho chuỗi cung ứng xuyên suốt và đồng bộ.

➤ CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

➤ Cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu bảo vệ môi trường trong quá trình kinh doanh, đặc biệt là chú trọng phòng chống cháy nổ và xử lý nguồn nước thải theo đúng tiêu chuẩn của ngành và luật pháp Việt Nam.

➤ Quan tâm công tác chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo để người lao động phát huy thế mạnh của bản thân góp phần vào sự thành công chung của DBT.

➤ Ngoài ra, hàng năm còn trích ra một phần lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh để thực hiện các công tác xã hội, hưởng ứng các phong trào đền ơn đáp nghĩa, quyên góp ủng hộ các hộ nghèo, gia đình gặp khó khăn, thiên tai do bão lũ gây ra,...

CÁC RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG



Rủi Ro Kinh Tế

Năm 2023 là một năm khó khăn chung cho nền kinh tế thế giới, với sự giảm sút trong tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư toàn cầu; trong khi nợ xấu tăng và lạm phát vẫn duy trì ở mức cao, gắn với những diễn biến căng thẳng của các xung đột địa chính trị và phân mảnh công nghệ, thời tiết cực đoan và dịch bệnh diện rộng. Cụ thể, cuộc chiến Nga - Ukraine (từ tháng 02/2022) tiếp tục lâm vào bế tắc trong cả năm 2023, do chưa có giải pháp đột phá từ cả hai bên nhằm giải quyết xung đột; và xung đột trên dải Gaza giữa Palestine và Israel leo thang thành chiến tranh dẫn tới căng thẳng địa chính trị tiếp diễn và phức tạp hơn. Từ đây, thị trường dầu mỏ toàn cầu trở nên thiếu chắc chắn và phân mảnh hơn. Ngoài ra, thắt chặt tiền tệ vẫn tiếp diễn tại các nền kinh tế phát triển. Chính sách thắt chặt tiền tệ (đã được hầu hết các nước duy trì trong cả 3 quý đầu năm 2023 nhằm đối phó với tình trạng lạm phát cao) đã bước vào giai đoạn cuối cùng của chu kỳ tăng lãi suất trong quý IV/2023, trước bối cảnh tình hình lạm phát được dự báo đã đổi chiều.

Trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều khó khăn, phức tạp và bất thường, Việt Nam vẫn là điểm sáng trong bức tranh kinh tế chung và không ngừng nâng tầm vị thế quốc tế. Theo đó, trong khi lạm phát và lãi suất thế giới tiếp tục tăng và giữ ở mức cao, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành những chính sách tiền tệ linh hoạt nhưng thận trọng nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân. Ngân hàng Nhà nước đã chủ động điều hành tỷ giá thông qua dự trữ ngoại hối cũng như giá bán USD trong năm 2023 khá nhích nhàng cũng là một thành tựu giúp cho tỷ giá không biến động quá lớn trong một năm đầy thử thách. Tuy nhiên, theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2023 tăng 5,05%, thấp hơn mục tiêu 6,5%, cao hơn tốc độ tăng của 2020 và 2021 - thời điểm chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Trong đó, tiêu dùng tăng 3,52%, đóng góp 41,04% vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Bên cạnh đó, sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế cũng đã tác động tích cực đến hoạt động đô thị. Với những kết quả đã đạt được cho thấy nền kinh tế của Việt Nam năm 2023 hồi phục khá mạnh mẽ.

Qua đại dịch, người dân càng quan tâm hơn đến sức khỏe của bản thân và gia đình, đặc biệt là sự quan tâm đến những sản phẩm chức năng, tăng cường sức đề kháng ngày càng nhiều hơn. Thêm vào đó, thu nhập người dân tăng cao hơn và dân số đang bước vào giai đoạn già hóa khiến việc nhận thức ngày càng chú trọng vào các vấn đề sức khỏe. Vì vậy Bepharco cần nắm bắt giai đoạn này, cùng thị hiếu người dân để đưa vào kinh doanh những sản phẩm phù hợp.



Rủi Ro Pháp Luật

Bepharco là một doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện trong ngành dược, thuộc lĩnh vực y tế. Bepharco phải tuân thủ các quy định về an toàn, chất lượng và hiệu quả của sản phẩm. Các sản phẩm phải đảm bảo đạt các tiêu chuẩn chất lượng và an toàn cao. Các quy trình kiểm tra và đánh giá cũng rất nghiêm ngặt và thường được giám sát chặt chẽ bởi các cơ quan chức năng. Vì vậy, Công ty phải thích ứng với những luật chuyên ngành như: Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017; các văn bản dưới luật như Nghị định số 54/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược; thông tư số 11/2018/TT-BYT quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Thông tư 08/2022/TT-BYT Quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc ngày 25/09/2022; Thông tư số 06/2023/TT-BYT của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Nghị quyết số 30/NQ-CP của Chính phủ: Về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế ; Ngày ban hành ngày 04/03/2023. Ngoài tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, những văn bản này cũng quy định chặt chẽ về việc quản lý công tác đấu thầu, cung ứng thuốc và đăng ký lưu hành sản phẩm. Vì vậy Bepharco cần thường xuyên rà soát để kịp thời điều chỉnh, đáp ứng những quy định chuyên ngành khắt khe, đảm bảo điều kiện kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Bên cạnh pháp luật chuyên ngành, CTCP Dược phẩm Bến Tre còn là công ty đại chúng có cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Bepharco cũng phải tuân thủ các luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình, như Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động, Luật thuế, Luật kế toán,... và các văn bản nghị định, thông tư dưới luật. Trong những năm gần đây, các văn bản này đã được thay đổi, đồng thời được các cơ quan ban ngành áp dụng sát sao với thực tế hơn. Do đó, Công ty cũng phải theo dõi và liên tục rà soát lại các văn bản pháp luật cũng như thông lệ trên thị trường, áp dụng vào Công ty để đảm bảo công ty hoạt động ổn định và bền vững.

CÁC RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG



Rủi Ro Sản Phẩm

Để nâng cao khả năng cạnh tranh và tạo giá trị gia tăng cho ngành dược, việc đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ là thiết yếu, nhằm sản xuất các loại thuốc bào chế đặc biệt và thuốc chuyên khoa. Mặc dù đòi hỏi đầu tư lớn về kinh phí, nhưng đây là bước quan trọng để tiến xa hơn so với việc chỉ sản xuất thuốc thông thường. Hiện tại, sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu và khoảng cách công nghệ so với các quốc gia như Ấn Độ và Trung Quốc là những thách thức lớn đối với ngành dược Việt Nam, khiến việc tự chủ trong sản xuất thuốc chuyên khoa và nguyên liệu trở nên khó khăn. Để giải quyết những vấn đề này, các công ty có thể tìm kiếm nguồn vốn và nhân lực để đẩy mạnh đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, từ đó tạo ra các sản phẩm thuốc mới và đa dạng hóa dược phẩm sản xuất. Tìm kiếm nguồn cung ứng nguyên liệu trong nước cũng là một giải pháp để giảm thiểu sự phụ thuộc vào nhập khẩu.

Ngoài ra, dược phẩm là sản phẩm liên quan trực tiếp đến sức khỏe và tính mạng con người, vì vậy hàng giả và kém chất lượng luôn là một vấn đề nhức nhối gây ra nhiều lo ngại cho người tiêu dùng và ảnh hưởng đến uy tín của các doanh nghiệp. Do đó, Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre đặt mục tiêu tiếp tục hoàn thiện quy trình đóng gói, áp dụng tem chống hàng giả và bộ nhận diện thương hiệu, nhằm quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm, và đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng trong những năm tới.



Rủi Ro Cạnh Tranh

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, Việt Nam đã chính thức trở thành đối tác của nhiều hiệp định quan trọng như EVFTA, CPTPP và VKFTA, mở ra không gian phát triển mới cho ngành dược. Sự đa dạng của sản phẩm và sự kích thích từ các chiến dịch quảng cáo đã làm cho thị trường trở nên linh hoạt hơn, đồng thời tăng cường tính cạnh tranh. Trong năm 2024, cuộc cạnh tranh giữa các nhà đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước sẽ ngày càng gay gắt, đặc biệt khi thị trường Việt Nam được đánh giá là có tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ. Ngoài ra, sự phát triển mạnh mẽ của các chuỗi bán lẻ thuốc Long Châu, Pharmacy,... cũng làm cho nhu cầu về số lượng sản phẩm tăng cao, do các đơn vị này cần lượng sản phẩm lớn để kinh doanh các cửa hàng. Điều này vừa là cơ hội vừa là thách thức cho Bepharco trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh. Hiện nay, Bepharco đã mở rộng kênh phân phối khắp cả nước để cạnh tranh trong ngành. Nhưng với sự mở rộng quy mô của các đơn vị lớn hơn có thể gây khó khăn cho Bepharco. Chính vì vậy, Bepharco cần xây dựng một chiến lược phát triển mạnh mẽ hơn, để khẳng định thương hiệu của mình, giữ vững thị phần và vị thế của Công ty trong ngành.



Rủi Ro Tỷ Giá

Về diễn biến tỷ giá trong năm 2023, sau giai đoạn bình ổn trong nửa đầu năm, áp lực tỷ giá tăng dần từ tháng 07/2023, chủ yếu xuất phát từ việc đồng USD mạnh lên. Vào tháng 12/2023 chỉ số đồng USD giảm, song đồng euro lại tăng lên mức cao nhất trong hơn 4 tháng qua. Cụ thể, chỉ số đồng USD đã giảm 0,18% xuống 101,44. Trong khi đó, đồng euro tăng 0,2% lên 1 euro đổi được 1,1045 USD. Đây là mức cao nhất kể từ ngày 10/08 năm nay và đồng euro đang trên đà tăng 3,08% trong cả năm 2023. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến việc hoạt động của công ty khi hàng năm Bepharco cần nhập khẩu lượng lớn mặt hàng tân dược từ nước ngoài, phần lớn là từ Châu Âu, từ đó biến động tỷ giá đồng EURO ảnh hưởng trực tiếp chi phí của Công ty (với tỷ trọng thanh toán bằng đồng EURO chiếm 70% giá trị thanh toán). Để giảm thiểu ảnh hưởng của tỷ giá tác động vào sản phẩm, Công ty cần theo dõi sát diễn biến tỷ giá, đồng thời tiến hành phân tích, đánh giá để có thể dự đoán được biến động giá cả đầu vào sát với thực tế nhất. Để từ đó, Công ty có được kế hoạch dự trữ hàng tồn kho phù hợp nhất. Tuy nhiên, giá cả sản phẩm đầu vào còn có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác như biến động thị trường, chiến tranh thương mại, thay đổi chính sách các quốc gia, và thay đổi của các Hiệp ước quốc tế. Chính vì vậy, kế hoạch của Công ty cần được cập nhật linh hoạt bởi thực tế thị trường để đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty.



Rủi Ro Lãi Suất

Trong năm vừa qua, Việt Nam đã áp dụng chính sách tiền tệ linh hoạt, nới lỏng, tạo nên một diễn biến trái chiều so với xu hướng chung của các nền kinh tế lớn, nơi mà lãi suất không chỉ cao mà còn đang trong quá trình tăng. Đến cuối năm, mức lãi suất huy động trung bình cho kỳ hạn 12 tháng của toàn bộ hệ thống ngân hàng đã giảm xuống còn 5% - một mức thấp chưa từng có, giảm 3,3% so với đầu năm. Tính đến ngày 31/1/2024, lãi suất tiền gửi và cho vay tiếp tục xu hướng giảm, với mức giảm bình quân đối với các giao dịch mới của các ngân hàng thương mại là khoảng 0,15%/năm đối với tiền gửi và 0,25%/năm đối với cho vay so với cuối năm 2023. Lãi suất huy động thấp đã tạo điều kiện để giảm lãi suất cho vay, giảm chi phí vốn cho nền kinh tế, và khuyến khích sự phát triển của các thị trường khác. Trước tình hình này, công ty cần phải lập kế hoạch nhằm tận dụng hiệu quả đòn bẩy tài chính trong quá trình sản xuất và đồng thời duy trì một tỷ lệ nợ phù hợp với khả năng tài chính của mình.

CÁC RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG



Rủi Ro Môi Trường

Bepharco không chỉ chú trọng đến việc tuân thủ các quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh, mà còn đặc biệt quan tâm đến việc thực hiện Luật Bảo vệ Môi trường. Công ty đề cao việc quản lý sản xuất và xử lý chất thải một cách cẩn thận để bảo vệ môi trường. Tại các nhà máy sản xuất, không chỉ chất lượng dược phẩm được kiểm soát để bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, mà cả việc giám sát chặt chẽ các chất thải sinh học và nước thải cũng được thực hiện nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe cộng đồng. Là một nhà sản xuất dược phẩm tiên phong, Bepharco không những nỗ lực cung cấp các sản phẩm chăm sóc sức khỏe chất lượng cao mà còn cam kết duy trì một môi trường sống trong lành, sạch, đẹp. Bằng việc tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ Môi trường, Bepharco thể hiện rõ ràng cam kết của mình với sự phát triển bền vững và trách nhiệm đối với xã hội.



Rủi Ro Khác

Ngoài những rủi ro kể trên, những rủi ro như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... tuy hiếm xảy ra nhưng cũng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động và sự ổn định của các công ty và toàn xã hội. Có thể thấy đây là những rủi ro có thể bất ngờ xảy ra và không thể loại trừ nguy cơ gây tổn thất đến tính mạng, sức khỏe của con người và tài sản, tình hình hoạt động và sản xuất của công ty. Tuy không thể loại bỏ hoàn toàn những rủi ro trên nhưng có thể đề phòng và giảm thiểu tổn thất bằng cách thường xuyên cập nhật các tin tức: chính trị, thời tiết, xã hội... Đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, biện pháp cứu nạn, cứu hộ, sơ tán và phòng tránh thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ để chủ động ứng phó, hạn chế thiệt hại về người và tài sản đến mức thấp nhất.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	%2023/2022
1	Doanh thu thuần	Đồng	754.618.414.804	811.616.215.375	107,55%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	Đồng	19.211.438.288	22.933.467.167	119,37%
3	Lợi nhuận khác	Đồng	31.650.382.950	161.927.015	0,51%
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	50.861.821.238	23.095.394.182	45,41%
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	40.500.398.144	17.466.188.133	43,13%
6	Cổ tức	%	7%	Dự kiến 10%	-



CƠ CẤU DOANH THU THUẦN

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Năm 2022		Năm 2023		%2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu bán hàng hoá	675.190.532.395	89,33%	712.474.226.871	87,68%	105,52%
Doanh thu bán thành phẩm	79.427.773.164	10,51%	98.699.998.603	12,15%	124,26%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	585.628.650	0,08%	717.858.062	0,09%	122,58%
Doanh thu từ cho thuê	651.636.364	0,09%	716.800.000	0,09%	110,00%
Tổng cộng	755.855.570.573	100,00%	812.608.883.536	100,00%	107,51%

NHẬN XÉT

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Bepharco trong năm 2023 có nhiều biến động so với năm trước. Tại ngày 31/12/2023, doanh thu thuần trong báo cáo hợp nhất năm 2023 ghi nhận đạt 811,6 tỷ đồng, tăng 7,55% so với năm 2022, và hoàn thành khoảng 73% so với kế hoạch đã đề ra. Trong đó, nguồn đóng góp chính vào cơ cấu doanh thu thuần trong năm 2023 tiếp tục đến từ doanh thu bán hàng hoá, đạt 712,5 tỷ đồng chiếm 87,68% và tăng 5,52% so với năm trước. Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu từ cho thuê được duy trì ở mức cố định và chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu.

Lợi nhuận sau thuế ghi nhận tại mức 17,5 tỷ đồng, tương đương chỉ bằng khoảng 44% so với cùng kỳ năm 2022 và chỉ hoàn thành 41% so với kế hoạch đã được thông qua trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. Mặc dù doanh thu thuần và lợi nhuận từ HĐKD của công ty ghi nhận mức tăng đáng kể nhưng nguyên nhân chính khiến lợi nhuận sau thuế thấp hơn so với cùng thời điểm năm trước và đạt mức khá thấp so với kế hoạch là do trong năm 2023 có sự thay đổi lớn trong cơ cấu các khoản đầu tư của Bepharco vào các công ty con và công ty liên kết. Cụ thể:

- Công ty đã thoái bớt 1 phần vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha và Codupha không còn là công ty liên kết của Bepharco kể từ ngày 22/06/2023. Việc này dẫn đến sự thay đổi trong phương pháp kế toán ghi nhận giá trị khoản đầu tư và trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phải ghi nhận thêm khoản chi phí tài chính 9 tỷ đồng, từ đó làm giảm lợi nhuận hợp nhất.
- Ngoài ra trong năm HĐQT cũng đã thông qua Nghị quyết về việc đầu tư vào Công ty cổ phần Ypharco Healthcare. Đến cuối năm 2023, Ypharco Healthcare trở thành công ty liên kết của Bepharco với tỷ lệ sở hữu là 49%, Ypharco Healthcare là công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị đi vào sản xuất, chưa có lợi nhuận, vì vậy báo cáo hợp nhất cũng phải ghi nhận một phần khoản lỗ của Ypharco Healthcare, từ đó làm giảm lợi nhuận của công ty.

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Ông Phạm Thứ Triệu	TV.HĐQT - T.GĐ	3.209.834	19,66%
2	Ông Nguyễn Khắc Hanh	Chủ tịch HĐQT - P.TGĐ	1.238.875	7,59%
3	Ông Hoàng Xuân An	TV. HĐQT - P.TGĐ	136.135	0,83%
4	Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Giám đốc tài chính	10.000	0,06%
5	Ông Nguyễn Viết Sơn	Kế toán trưởng	20.000	0,12%

THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Giám đốc tài chính	01/02/2023	-

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông **PHẠM THỨ TRIỆU**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Tổng giám đốc Bepharco

Năm sinh: 11/10/1979

Trình độ chuyên môn: ĐH Kế toán - Kiểm toán

Chức vụ đang đảm nhiệm: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT CTCP Bepharco Healthcare
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái.
- Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Trung ương Codupha.
- Chủ tịch HĐQT CTCP Giám định cà phê và hàng hóa XNK.

Quá trình công tác:

- 2002 – 2006: Trưởng nhóm kiểm toán Công ty Kiểm toán và tư vấn A&C.
- 2006 - 2013: Phó phòng Tư vấn Tài chính; Giám đốc Chi nhánh TPHCM Cty Chứng khoán MB.
- 2013 - 2015: Trưởng phòng tư vấn; PGĐ Chi nhánh TPHCM Công ty Chứng khoán Vietcombank.
- 2015: Chủ tịch HĐQT Quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre.
- Tháng 01/2016: Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung ương Codupha.
- Tháng 03/2017: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái.
- Tháng 03/2019 - đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre, Thành viên HĐQT.
- Tháng 06 năm 2022: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái.
- 2023: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái.

Số CP nắm giữ: 3.209.834 cp, chiếm 19,66% VĐL

Tỷ lệ sở hữu ở công ty khác: Không có

Số CP nắm giữ của những người có liên quan:

- Bùi Hồng Hạnh – Vợ: 1.208.263 cp, chiếm 8,51% VĐL.
- CTCP TM & Rang xay cà phê Việt Nam - Người quản lý: 600.000 cp, chiếm 3,68% VĐL.

Ông **NGUYỄN KHẮC HANH**

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Phó Tổng giám đốc Bepharco

Năm sinh: 19/10/1978

Trình độ chuyên môn: Đại học Kế toán

Chức vụ đang đảm nhiệm: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bepharco Healthcare;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái;
- Giám đốc tài chính CTCP Dệt may Đông Khánh.

Quá trình công tác:

- Tháng 7/2002 – Tháng 9/2003: Nhân viên Kế toán Công ty Tomiya Nhật Bản.
- Tháng 9/2003 – Tháng 2/2005: Trưởng nhóm tư vấn triển khai Công ty CP Định gia Nét (DigiNet).
- Tháng 9/2005 – Tháng 8/2006: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An.
- Tháng 8/2006 – Tháng 5/2010: Trưởng phòng Tài chính Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An.
- Tháng 5/2010 – Tháng 12/2012: Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần thực phẩm Cầu Tre.
- Từ Tháng 6/2013: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre, Giám đốc tài chính CP Đông Quang.
- Tháng 3/2022: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre.
- Từ 2023 – đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre.

Số CP nắm giữ: 1.238.875 cp, chiếm 7,59% VĐL

Tỷ lệ sở hữu ở công ty khác: Không có

Số CP nắm giữ của những người có liên quan:

- Nguyễn Khắc Hoan - Em trai: 319.600, chiếm 1,96%.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

▶ LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Ông **HOÀNG XUÂN AN**

Phó Tổng giám đốc Bepharco

Năm sinh: 27/10/1978

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Chức vụ đang đảm nhiệm: Phó Tổng giám đốc

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Yên Bái
- Thành viên HĐQT CTCP Bepharco Healthcare

Quá trình công tác:

- 2008 - 2011: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội.
- 2011 - 2017: Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội.
- Năm 2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre.
- 2022: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty, Phó Tổng Giám đốc Công ty.
- 2023: Phó Tổng Giám đốc Công ty.

Số CP nắm giữ: 136.135 cp, chiếm 0,83% VDL

Tỷ lệ sở hữu ở công ty khác: Không có

Số CP nắm giữ của những người có liên quan:

Không có

Ông **NGUYỄN THẾ QUỐC UY**

Giám đốc tài chính

Năm sinh:

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính - Ngân hàng

Chức vụ đang đảm nhiệm: Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- 31/01/2023 Anh Quốc Uy được bổ nhiệm là Giám đốc tài chính của DBT

Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cp, chiếm 0,06% VDL

Tỷ lệ sở hữu ở công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên

quan: Không có

Ông **NGUYỄN VIẾT SƠN**

Kế toán trưởng

Năm sinh: 01/02/1978

Trình độ chuyên môn: Đại học Kế toán - Kiểm toán

Chức vụ đang đảm nhiệm: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- 2001 - 2004: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH dệt may Tân Khải Minh.
- 2004 - 2009: Trưởng phòng tư vấn triển khai phần mềm ERP Công ty Cổ phần Định Gia Net (Diginet).
- 2009 - 2010: Phó phòng tài chính Công ty Cổ phần tập đoàn Xây Dựng Hoà Bình (HBC).
- 2010 - 2022: Kế toán trưởng Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Cát Thái.
- 2022 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Dược phẩm Bến Tre.

Số cổ phần nắm giữ: 20.000 cp, chiếm 0,12% VDL

Tỷ lệ sở hữu ở công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên

quan: Không có

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tại ngày 31/12/2023

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (Người)	Tỷ lệ
I	Theo trình độ	634	100,00%
1	Sau Đại học, Đại học, Cao đẳng	413	65,14%
2	Trung cấp	204	32,18%
3	Lao động phổ thông	17	2,68%
II	Theo tính chất lao động	634	100,00%
1	Bán hàng	348	54,89%
2	Sản xuất	37	5,84%
3	Gián tiếp	249	39,27%
III	Theo giới tính	634	100,00%
1	Nam	353	56,68%
2	Nữ	281	44,32%

THU NHẬP BÌNH QUÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại ngày 31/12/2023

STT	Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)
1	2020	594	14,6
2	2021	597	14,5
3	2022	683	18,8
4	2023	634	16,8



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

- ✘ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp: Công ty thực hiện đóng bảo hiểm bắt buộc theo đúng quy định pháp luật cho người lao động.
- ✘ Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên, áp dụng chế độ định kỳ kiểm tra sức khỏe cho toàn thể CBCNV trong Công ty mỗi năm một lần.
- ✘ Công ty đã đóng bảo hiểm tai nạn cho 100% cán bộ nhân viên khối bán hàng, vận chuyển và bảo hiểm nhân thọ cho đội ngũ cán bộ chủ chốt tại công ty qua đó tạo phúc lợi và sự yên tâm công tác cho toàn thể người lao động trong công ty.
- ✘ Công ty thực hiện việc khám sức khỏe định kỳ cho 100% người lao động, thực hiện việc đo kiểm môi trường lao động theo đúng quy định của Nhà nước.
- ✘ Năm 2023, Công ty tiếp tục áp dụng chính sách tiền lương 3P cho toàn công ty. Đồng thời, Công ty tiếp tục sửa đổi chính sách lương nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động theo hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- ✘ Bên cạnh đó, Công ty đã tổ chức du lịch cho Cán bộ nhân viên từ công ty mẹ đến công ty con nhằm nâng cao đời sống tinh thần và cải thiện chất lượng làm việc.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

- ✘ Tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho người lao động, đặc biệt là đối tượng trực tiếp sản xuất, nhân viên kho, nhân viên vận hành xe nâng.
- ✘ Tùy vào từng vị trí mà người lao động được công ty cử đi tham gia các lớp đào tạo như: “đảm bảo độ ổn định thuốc”, “nghiệp vụ xuất nhập khẩu”, ...Đối với đội ngũ nhân viên bán hàng, công ty tổ chức thường xuyên các lớp đào tạo nội bộ về sản phẩm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng bán hàng.
- ✘ Đối với đội ngũ nhân viên khối phòng nghiệp vụ đều được trang bị kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của Bepharco, chức năng nhiệm vụ của từng phòng và định hướng phát triển sắp tới của Hội đồng quản trị. Từ đó, mỗi nhân viên hiểu về trách nhiệm của mình và thêm tin tưởng gắn bó với công ty.



CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

- Không có

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT TRONG NĂM 2023

Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare - Công ty liên kết

Địa chỉ Đường D1, khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị Trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Ngành nghề Kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Mã số DN

Vốn điều lệ đăng ký **60.000.000.000 đồng**

Vốn điều lệ thực góp **60.000.000.000 đồng**

Số lượng CP DBT nắm giữ Trong năm công ty đã đầu tư **41.580.000.000 tỷ đồng** để mua **2.100.000 cổ phiếu** tại Ypharco Healthcare

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	%2023/2022
Tổng giá trị tài sản	840.719.747.340	855.608.264.278	101,77%
Doanh thu thuần	754.618.414.804	811.616.215.375	107,55%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	19.211.438.288	22.933.467.167	119,37%
Lợi nhuận khác	31.650.382.950	161.927.015	0,51%
Lợi nhuận trước thuế	50.861.821.238	23.095.394.182	45,41%
Lợi nhuận sau thuế	40.500.398.144	17.466.188.133	43,13%
Tỷ lệ chia cổ tức	7%	Dự kiến 7%	100%



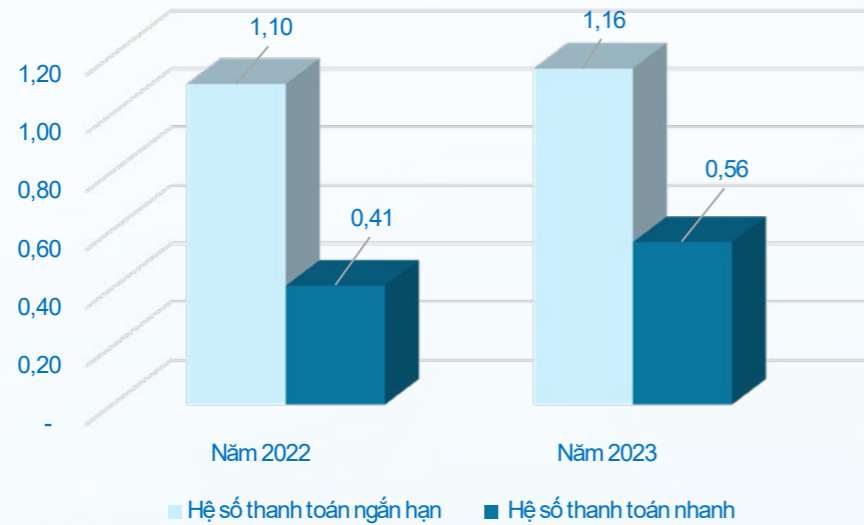
CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,10	1,16
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,41	0,56
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	73,32%	71,03%
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	274,83%	245,16%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,23	1,30
+ Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,93	0,96
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,37%	2,15%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	18,06%	7,05%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	%	4,82%	2,04%
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	2,55%	2,83%



60 NĂM - 1 NIỀM TIN

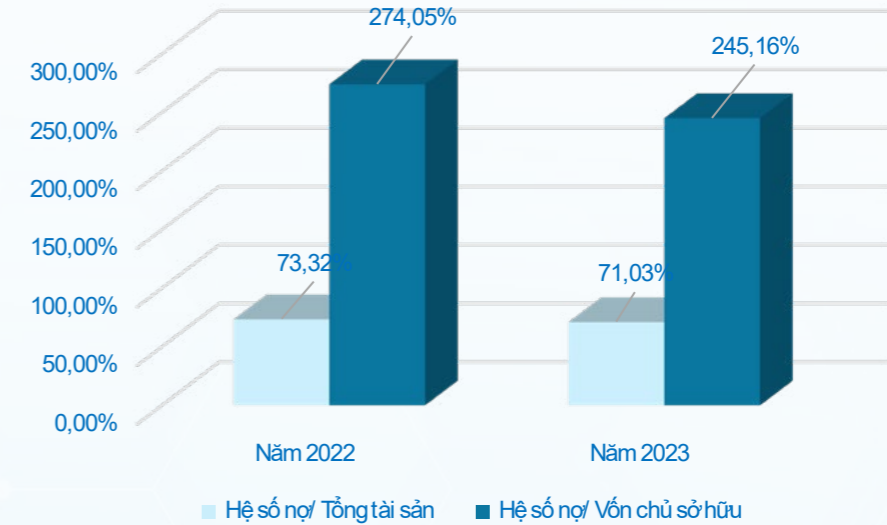
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



NHẬN XÉT

Khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty đã cho thấy sự cải thiện tích cực từ năm 2022 đến năm 2023. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,10 lần lên 1,16 lần, và hệ số thanh toán nhanh cũng tăng từ 0,41 lần lên 0,56 lần. Sự tăng trưởng này, cùng với việc tài sản ngắn hạn tăng 4,18% và nợ ngắn hạn giảm 1,14% so với năm trước, cho thấy công ty không chỉ cải thiện khả năng thanh khoản mà còn quản lý nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Những thay đổi này phản ánh một tình hình tài chính lành mạnh hơn và khả năng quản lý vốn lưu động tốt hơn, giúp công ty có thể đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn một cách dễ dàng hơn.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



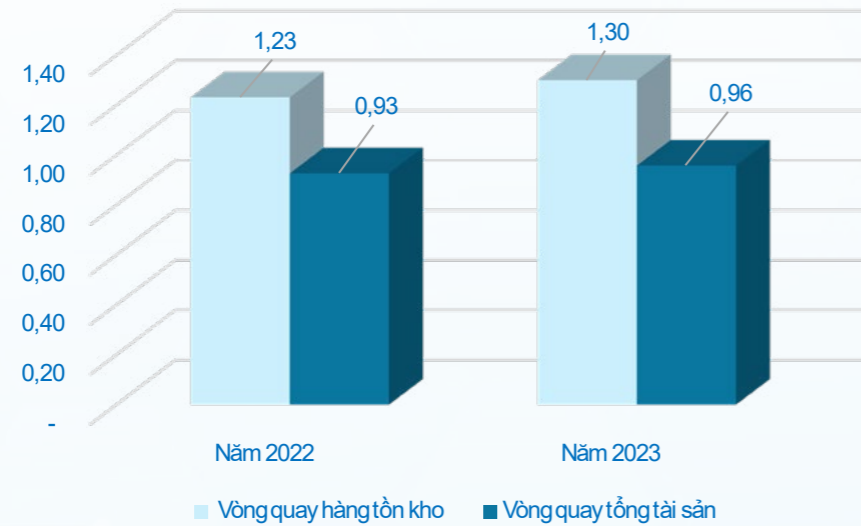
NHẬN XÉT

Việc duy trì một cấu trúc tài chính vững chắc luôn là nhiệm vụ mà ban lãnh đạo Bepharco đặc biệt quan tâm. Trong đó, sự giảm của hệ số nợ trên tổng tài sản từ 73,72% xuống còn 71,03% và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu từ 274,83% xuống còn 245,16%, cùng với việc tổng nợ công ty giảm trong khi tổng tài sản và vốn chủ sở hữu tăng, cho thấy công ty Bepharco đã có những bước tiến tích cực trong việc quản lý nợ và cải thiện cấu trúc tài chính.

Sự giảm tỷ lệ nợ so với tổng tài sản và vốn chủ sở hữu là dấu hiệu của việc công ty đang giảm bớt sự phụ thuộc vào nợ để tài trợ cho hoạt động kinh doanh. Điều này có thể giúp giảm áp lực tài chính và rủi ro phá sản, đồng thời tăng cường khả năng chống chịu với những biến động không lường trước được của thị trường. Ngoài ra, tổng nợ giảm trong khi tổng tài sản và vốn chủ sở hữu tăng cũng phản ánh việc công ty không chỉ quản lý nợ một cách hiệu quả mà còn đang tăng cường khả năng tài chính của mình. Điều này có thể là kết quả của việc tái cấu trúc nợ, quản lý chi phí tốt hơn, hoặc doanh thu và lợi nhuận tăng lên.

Nhìn chung, những chỉ số này cho thấy công ty đang đi đúng hướng trong việc tạo ra một nền tảng tài chính vững chắc hơn, điều này sẽ hỗ trợ cho sự phát triển bền vững và lâu dài của công ty trong tương lai.

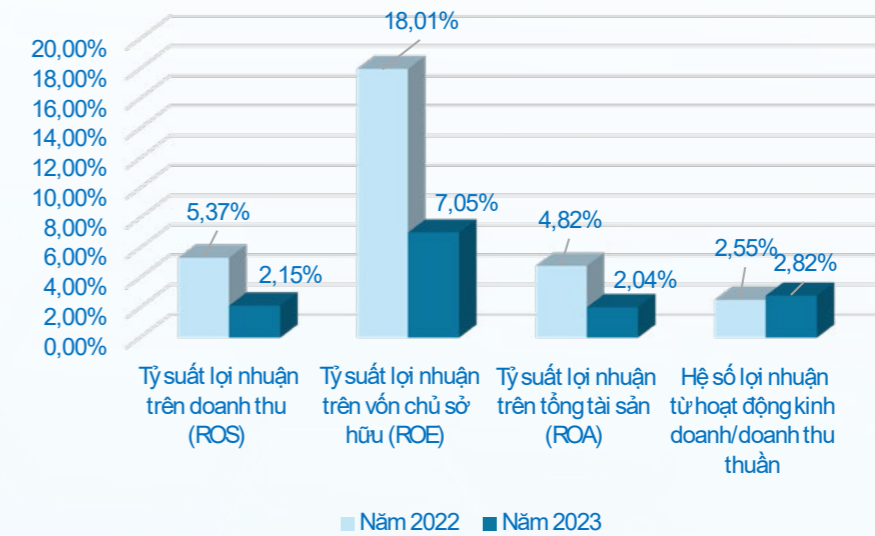
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



NHẬN XÉT

Năng lực hoạt động của công ty trong năm 2023 có những dấu hiệu tích cực so với năm 2022. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho tăng từ 1,23 vòng lên 1,30 vòng, cho thấy công ty đã cải thiện được tốc độ bán hàng và giảm thời gian hàng tồn kho. Vòng quay tổng tài sản cũng tăng nhẹ từ 0,93 vòng lên 0,96 vòng, phản ánh sự hiệu quả hơn trong việc sử dụng tài sản để tạo ra doanh thu. Mặc dù giá vốn hàng bán tăng từ 224,3 tỷ đồng lên 247,9 tỷ đồng, nhưng doanh thu thuần cũng tăng từ 754,6 tỷ đồng lên 811,6 tỷ đồng, điều này cho thấy công ty vẫn duy trì được sự tăng trưởng trong bối cảnh kinh tế khó khăn. Đáng chú ý, hàng tồn kho bình quân giảm từ 408,7 tỷ đồng xuống còn 386 tỷ đồng, do nhiều nguồn cung cấp, chuỗi cung ứng từ Châu Âu, Mỹ bị đứt gãy dẫn tới một số nguyên liệu, tá dược bị thiếu hụt, chậm tiến độ gây ảnh hưởng nhiều đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, phần lớn số đăng ký thuốc của công ty đang sử dụng công văn gia hạn của Cục quản lý Dược dẫn đến Công ty phải nhập hàng hóa về trước để đảm bảo hàng cung ứng cho đấu thầu dẫn đến tình trạng tồn kho lớn. Điều này cũng gây áp lực lên chi phí và kết quả kinh doanh của công ty. Tổng tài sản bình quân tăng lên 848,1 tỷ đồng từ 813,9 tỷ đồng cũng cho thấy công ty đã mở rộng quy mô hoạt động. Nhìn chung, các chỉ tiêu cho thấy công ty đã nỗ lực thích ứng với những thách thức từ môi trường kinh doanh và duy trì được sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



NHẬN XÉT

Khả năng sinh lời của công ty Bepharco đã có những biến động đáng kể trong năm 2023. Sự tăng nhẹ của hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần từ 2,55% lên 2,83% cho thấy công ty có khả năng kiểm soát chi phí và tối ưu hóa lợi nhuận từ các hoạt động bán hàng. Tuy nhiên, sự giảm sút mạnh mẽ trong các tỷ suất lợi nhuận khác như tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu giảm từ 18,06% xuống còn 7,05%, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu từ 5,37% xuống 2,15%, và tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản còn 2,04%. Điều này không thể hiện việc kinh doanh sản xuất của công ty không tạo ra lợi nhuận nhiều như các năm trước mà nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm trong lợi nhuận sau thuế là do sự thay đổi trong cơ cấu đầu tư của công ty. Việc thoái vốn khỏi Codupha và không còn ghi nhận Codupha là công ty liên kết từ ngày 22/06/2023 đã khiến cho công ty phải ghi nhận thêm khoản chi phí tài chính 9 tỷ đồng, ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận hợp nhất. Đồng thời, việc đầu tư vào Ypharco Healthcare, một công ty mới trong giai đoạn chuẩn bị sản xuất và chưa tạo ra lợi nhuận, cũng làm tăng thêm gánh nặng tài chính cho Bepharco khi phải ghi nhận một phần khoản lỗ của công ty này.

Những biến động này cho thấy Bepharco đang trong quá trình tái cấu trúc đầu tư và có thể đang chuẩn bị cho một chiến lược phát triển lâu dài. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, công ty cần phải đối mặt với những khó khăn trong việc duy trì mức lợi nhuận mong đợi và cần có những biện pháp cụ thể để cải thiện tình hình tài chính hiện tại.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Thông tin cổ phiếu	
Vốn điều lệ Công ty	163.254.770.000 đồng
Số lượng cổ phiếu niêm yết	16.325.477 cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.325.477 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	Không có
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	Không có
Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	700.000 cổ phiếu

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

163.254.770.000 đồng
Vốn điều lệ

Trong năm 2023 vừa qua, Công ty tăng vốn điều lệ từ **142.051.160.000 đồng** lên thành **163.254.770.000 đồng**.
Lý do: Phát hành 1.420.361 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021, Phát hành 700.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

· Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại ngày 27/03/2024

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	1.274	16.110.386	161.103.860.000	98,68%
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	11	705.562	7.055.620.000	4,32%
3	Cổ đông cá nhân	1.263	15.404.824	154.048.240.000	94,36%
II	Cổ đông nước ngoài	20	215.091	2.150.910.000	1,32%
1	Cá nhân	10	11.938	119.380.000	0,073%
2	Tổ chức	10	203.153	2.031.530.000	1,244%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Tổng Cộng		1.294	16.325.477	163.254.770.000	100,00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	Phạm Thứ Triệu	3.209.834	19,66%
2	Bùi Hồng Hạnh	1.329.089	8,14%
3	Nguyễn Khắc Hanh	1.238.875	7,59%



▶ TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Công tác xử lý chất thải luôn được Công ty chấp hành tốt các quy định về bảo vệ môi trường, ký kết hợp đồng với Công ty xử lý chất thải môi trường để định kỳ tiến hành thu gom và xử lý chất thải theo qui định.

Qua các đợt kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các quy định về an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường của các cơ quan ban ngành, Công ty luôn đảm bảo tốt các yêu cầu quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, giữ gìn cơ quan xanh - sạch - đẹp.

▶ QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Quản lý nguồn nguyên vật liệu là một phần quan trọng trong sản xuất dược phẩm để đảm bảo chất lượng và an toàn cho từng sản phẩm. Bepharco luôn thực hiện nghiêm túc các biện pháp nhằm thực hiện tốt công tác này như lựa chọn nhà cung cấp, thường xuyên kiểm tra lại chất lượng nguồn nguyên vật liệu trong kho lưu trữ và vận chuyển đúng cách. Đồng thời đào tạo cho cán bộ, công nhân viên bài bản về việc quản lý nguồn nguyên vật liệu.

▶ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Việc tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường trong sản xuất được xem là rất quan trọng để đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp dược phẩm và bảo vệ sức khỏe con người cũng như môi trường sống.

Các công ty sản xuất dược phẩm phải tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường, bao gồm: xử lý chất thải, sử dụng hoá chất an toàn, quản lý rủi ro về môi trường và đào tạo và yêu cầu cán bộ công nhân viên chấp hành nghiêm túc những quy định liên quan đến bảo vệ môi trường

▶ TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Quá trình sản xuất của các nhà máy sử dụng nhiều máy móc và thiết bị. Chi phí để vận hành các máy móc được tính vào chi phí của Công ty. Nên có thể nói, việc sử dụng hợp lý năng lượng để vận hành máy móc có tác động không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Trong năm, Công ty chủ yếu tiêu thụ điện để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh tại trụ sở, trên tinh thần tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường và nâng cao hiệu quả trong kinh doanh.

Bên cạnh việc ảnh hưởng đến chi phí kinh doanh, điện năng là một tài nguyên hữu hạn, tiết kiệm năng lượng và quản lý năng lượng trong sản xuất dược phẩm là rất quan trọng để giảm thiểu tác động đến môi trường. Bepharco luôn áp dụng và cải tiến rất nhiều biện pháp nhằm mục đích sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên này.

▶ TIÊU THỤ NƯỚC

Công đoạn sản xuất dược của Bepharco cần lượng lớn nước để làm các chất tan, dung môi,... Bên cạnh khối lượng nước, thì chất lượng nguồn nước được đặt lên hàng đầu do đây là một trong những yếu tố tác động trực tiếp đến dược tính, chất lượng của sản phẩm dược. Vì vậy việc đảm bảo nguồn nước đúng tiêu chuẩn để phục vụ cho việc sản xuất là điều cần được quan tâm.





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- Hơn 600 phần quà cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn Vui xuân đón Tết.
- Tham gia và tặng quà cho các bệnh nhân tại các vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn với Các cơ sở y tế trên toàn quốc.
- Hàng năm Công ty có nhận **phụng dưỡng suốt đời 02 Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng**, tham gia đóng góp quỹ Mái ấm ngành y, Quỹ bệnh hiểm nghèo của ngành, trợ cấp cho các hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

- Công ty không có hoạt động thị trường vốn xanh.



60 NĂM - 1 NIỀM TIN



03

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023	TH 2023	% TH2023/ KH2023	% TH2023/ TH2022
Doanh thu thuần	754.618.414.804	1.105.000.000.000	811.616.215.375	73,449%	107,553%
Lợi nhuận trước thuế	50.861.821.238	52.500.000.000	23.095.394.182	43,991%	45,408%
Lợi nhuận sau thuế	40.500.398.144	42.000.000.000	17.466.188.133	41,586%	43,126%
Tỷ lệ cổ tức	7%	7%	Dự kiến 7%	-	-

NHẬN XÉT

Trong năm 2023, hoạt động sản xuất kinh doanh của Bepharco có nhiều thay đổi so với năm trước. Tính đến ngày 31/12/2023, doanh thu thuần của công ty đạt 811,6 tỷ đồng, tăng 7,55% so với năm 2022 và đạt 73% kế hoạch năm. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 17,5 tỷ đồng, giảm mạnh so với năm 2022 và chỉ hoàn thành 41% kế hoạch. Nguyên nhân chính là do Bepharco đã thay đổi cơ cấu đầu tư vào các công ty con và liên kết. Cụ thể, Bepharco đã rút một phần vốn khỏi Codupha từ ngày 22/06/2023, khiến Codupha không còn là công ty liên kết và Bepharco phải ghi nhận thêm chi phí tài chính 9 tỷ đồng. Đồng thời, Bepharco cũng đầu tư vào Ypharco Healthcare, công ty này chưa có lợi nhuận và làm giảm lợi nhuận hợp nhất của Bepharco.



TÌNH HÌNH CÔNG TY

THUẬN LỢI

- Với sự đồng lòng và quyết tâm, Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban điều hành đã phối hợp chặt chẽ, áp dụng các giải pháp và điều chỉnh kịp thời để giúp công ty vượt qua khó khăn, bảo toàn giá trị cốt lõi và phát triển theo hướng mà HĐQT và Đại hội Cổ đông đã đặt ra.
- Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo kịp thời về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, giúp Hội đồng Quản trị đánh giá và hỗ trợ, chỉ đạo cải thiện. Các biện pháp bao gồm cải tạo nhà máy sản xuất thuốc nước, đầu tư máy móc cho công ty con, và tối ưu hóa sản xuất để tăng năng suất và hiệu quả chung của công ty.
- Công ty cũng đầu tư vào nghiên cứu và sản xuất sản phẩm mới, cũng như hợp tác với đối tác nước ngoài để mở rộng thị trường tại Việt Nam và Đông Nam Á, tạo nền tảng cho sự phát triển trong tương lai.
- Kinh tế Việt Nam hồi phục và Ngành Dược Việt Nam cũng có nhiều tăng trưởng vượt bậc, hầu hết các Công ty đều đạt mức doanh thu, lợi nhuận cao.

KHÓ KHĂN

- Trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động, nhiều nền kinh tế lớn đang rơi vào suy thoái, kinh tế trong nước cũng gặp nhiều khó khăn, tỷ giá tăng và lãi suất ngân hàng tăng cao; nhiều nguồn cung cấp, chuỗi cung ứng từ Châu Âu, Mỹ bị đứt gãy dẫn tới một số nguyên liệu, tá dược bị thiếu hụt, chậm tiến độ gây ảnh hưởng nhiều đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Bên cạnh đó, phần lớn Số đăng ký thuốc của công ty đang sử dụng công văn gia hạn của Cục quản lý Dược dẫn đến Công ty phải nhập hàng hóa về trước để đảm bảo hàng cung ứng cho đấu thầu dẫn đến tình trạng tồn kho lớn làm ảnh hưởng đến chi phí và kết quả kinh doanh của Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	TH2023/TH2022	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ trọng năm 2023
Tài sản ngắn hạn	661.295.874.392	688.911.891.374	104,18%	78,66%	80,52%
Tài sản dài hạn	179.423.872.948	166.696.444.904	92,91%	21,34%	19,48%
Tổng tài sản	840.719.747.340	855.608.336.278	101,77%	100,00%	100,00%

NHẬN XÉT

Quy mô tổng tài sản theo số liệu hợp nhất tại thời điểm cuối năm 2023 là 855,61 tỷ đồng, tăng 14,89 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2022, tương ứng tỷ lệ tăng là 1,77%. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 27,6 tỷ đồng, tăng tương đương với mức 4,18% và tài sản dài hạn giảm 12,7 tỷ đồng, tương đương giảm 7,09% so với năm 2022.

Xét theo cơ cấu tổng tài sản, thì tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu. Cụ thể, tỷ trọng tài sản ngắn hạn trong năm 2023 chiếm 80,52% trên tổng tài sản, tăng nhẹ so với tỷ trọng của năm 2022 là 78,66%. Theo đó trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, mặc dù hàng tồn kho trong năm 2023 của công ty thấp hơn so với năm 2024 với nguyên nhân chủ yếu là do nhiều nguồn cung cấp, chuỗi cung cấp, chuỗi cung ứng từ Châu Âu, Mỹ bị đứt gãy dẫn tới một số nguyên liệu, tá dược bị thiếu hụt, chậm tiến độ sản xuất, nhưng hàng tồn kho và khoản phải thu của công ty vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, lần lượt là 51,66% và 36,03%. Trong cơ cấu tài sản dài hạn, tài sản cố định và tài sản dài hạn khác là hai khoản chiếm tỷ trọng cao nhất lần lượt là 39,74% và 29,90%. Đặc biệt trong năm nay, do công ty tiến hành tái cấu trúc lại các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết nên đầu tư tài chính dài hạn (đầu tư vào công ty liên kết) của công ty giảm mạnh từ 51,2 tỷ đồng xuống còn 39,8 tỷ đồng.

Trong năm 2023, công ty đã tiến hành tái cấu trúc cơ cấu tài sản theo hướng tăng tài sản ngắn hạn, và giảm tài sản dài hạn. Việc thay đổi tỷ trọng cơ cấu tài sản này đồng thời đã giúp nguồn vốn lưu động ròng của công ty được cải thiện tốt hơn.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	TH2023/TH2022	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ trọng năm 2023
Nợ ngắn hạn	600.017.617.474	596.351.753.451	99,39%	71,37%	69,70%
Nợ dài hạn	16.409.240.049	11.371.443.639	69,30%	1,95%	1,33%
Nợ phải trả	616.426.857.523	607.723.197.090	98,59%	73,32%	71,03%
Nguồn vốn chủ sở hữu	224.292.889.817	247.885.067.188	110,52%	26,68%	28,97%
Tổng nguồn vốn	840.719.747.340	855.608.264.278	101,77%	100,00%	100,00%

NHẬN XÉT

So với thời điểm cuối năm 2022, quy mô nguồn vốn cuối năm 2023 của công ty trên báo cáo tài chính hợp nhất đã tăng thêm 14,89 tỷ đồng, tăng 1,77%. Lý do cho việc này đến từ việc tăng vốn chủ sở hữu. Trong năm, công ty đã phát hành thêm 1,420,361 cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để trả cổ tức năm 2021, đồng thời phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) để tăng vốn điều lệ thêm 7 tỷ đồng. Trong cơ cấu tổng nguồn vốn, nợ ngắn hạn chiếm phần lớn tỷ trọng, chiếm 69,70% tương đương 596,3 tỷ đồng. Nợ ngắn hạn của công ty giảm nhưng không đáng kể so với năm 2022. Công ty cũng gia tăng nợ vay ngắn hạn để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh. Ngoài ra Công ty đã chủ động hơn trong việc cân đối lại cơ cấu nguồn vốn, giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính bên ngoài (có chi phí sử dụng vốn cao hơn) để sử dụng nguồn vốn nội tại (vốn chủ sở hữu) để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Đây là cơ cấu nguồn vốn an toàn, đảm bảo tình hình tài chính luôn ổn định.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

Tiếp tục áp dụng chính sách 3P đã triển khai từ đầu năm 2021, nhằm tạo động lực cho họ từ việc liên kết hiệu quả công

việc với thu nhập cá nhân. Các vị trí làm việc đều có các chỉ tiêu hiệu quả (KPI) được đánh giá hàng tháng, đặc biệt đội

ngũ hỗ trợ kinh doanh và các cán bộ quan trọng được liên kết với hiệu quả kinh doanh của công ty.

Để đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, Công ty đã đầu tư, nâng cấp và cải tạo hệ thống kho lạnh đạt chuẩn

GSP tại trụ sở và văn phòng điều hành, cũng như hệ thống phân phối đạt chuẩn GDP cho tất cả 8 chi nhánh trực thuộc.

Điều này giúp đáp ứng nhu cầu kinh doanh của toàn hệ thống.

Ngoài ra, Công ty cũng đã đầu tư vào thêm hệ thống xe tải và xe lạnh đạt chuẩn, nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển

hàng hóa và công tác cho khối kinh doanh của toàn hệ thống.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TGD VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN



Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 là 17.466.188.133 đồng, giảm 23.034.210.011 đồng, tương đương giảm 56,87% so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân dẫn đến chênh lệch giảm lợi nhuận là do:

- Thay đổi phương pháp ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương Codupha từ phương pháp vốn chủ sở hữu thành phương pháp giá gốc do công ty đã thoái 1 phần vốn đầu tư vào Công ty Codupha không còn là công ty liên kết kể từ 30/06/2023.
- Lợi nhuận hợp nhất chỉ đến từ hoạt động kinh doanh chính Công ty, không phát sinh khoản thu nhập khác từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê trả trước thời hạn 50 năm như 2022.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Ban Tổng giám đốc đánh giá rằng hoạt động liên quan đến môi trường của Công ty tuân thủ đúng kế hoạch đã đề ra. Công ty đang hoạt động theo đúng quy định và chủ trương của Chính phủ, phù hợp với xu hướng của thế giới hiện nay. Ngoài ra, Công ty đã xử lý tốt các chất thải trong quá trình sản xuất và kinh doanh, không gây ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường và đời sống của dân cư xung quanh. Sản phẩm của Công ty đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về chất lượng và hoàn toàn thân thiện với môi trường và sức khỏe.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong năm 2023, Ban Tổng giám đốc đánh giá rằng công tác quản lý nguồn nhân lực tại công ty đã được xử lý tốt. Các hoạt động tuyển dụng và đào tạo được thực hiện một cách hiệu quả, đồng thời mức lương của người lao động cũng được tăng lên. Chúng tôi đánh giá cao các chính sách về bảo hiểm, an toàn lao động và lương thưởng của người lao động. Công ty đã tạo ra một môi trường làm việc lành mạnh, công bằng và văn minh, và cũng đã tổ chức các buổi liên hoan và các hoạt động đoàn kết nhằm giải tỏa căng thẳng và tăng tính đoàn kết cho người lao động.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Ban Tổng giám đốc đánh giá rằng công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương. Qua các hoạt động hỗ trợ, tài trợ cho các gia đình và tổ chức địa phương gặp khó khăn, công ty đã thể hiện được tình cảm, trách nhiệm của mình đến với cộng đồng. Hành động này không chỉ giúp công ty xây dựng được hình ảnh tốt đẹp mà còn giúp cộng đồng cảm thấy an tâm về một chỗ dựa vững chắc. Đồng thời, Công ty cũng đã tuyển dụng lao động tại địa phương, góp phần tạo công ăn việc làm cho cộng đồng.

CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH CHỦ YẾU NĂM 2024

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	%KH2024/TH2023
1	Doanh thu	Tỷ đồng	813	1.095,00	135%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	23	55,70	242%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	17	44,50	262%

CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÂN SỰ



Nghiên cứu việc chia tách các kênh bán hàng đối với từng nhóm sản phẩm nhằm khai thác tối đa thị trường OTC; tiếp tục kiên trì thực hiện việc chuyển việc giao hàng thu tiền cho đối tác thứ ba nhằm tận dụng lợi thế của nhà cung cấp dịch vụ và hỗ trợ cho đội ngũ trình dược viên có thời gian tối đa để khai thác thị trường.



Thành lập bộ phận đào tạo sản phẩm chuyên sâu song song với việc đào tạo các kỹ năng trình dược cho đội ngũ trình dược viên từ đó chuẩn hóa đội ngũ và các kỹ năng trình dược cho toàn bộ hệ thống phân phối, góp phần chuyên nghiệp hóa từ khâu từng công đoạn trong toàn hệ thống Bepharco.



Cử cán bộ quản lý cấp trung, cấp cao tham dự các lớp tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý từng bước tiến đến việc luân chuyển công tác cán bộ cấp trung cao trong nhiệm kỳ tiếp theo.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ



Thực hiện kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thông qua các phương án phát hành riêng lẻ, phát hành cổ phiếu ESOP nhằm bổ sung nguồn vốn kinh doanh, đáp ứng nhu cầu mở rộng thị trường, ổn định nguồn vốn kinh doanh trong thời gian tới.



Tiếp tục đầu tư hệ thống máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, giảm và tiến đến loại bỏ các chi phí lãng phí, không hiệu quả nhằm phát huy tối đa hiệu quả khối sản xuất.



Cơ cấu lại các khoản đầu tư sau khi đánh giá lại hiệu quả nếu không có tiềm năng cho hoạt động kinh doanh chính.



Nghiên cứu và tìm kiếm các cơ hội mua lại các nhà máy sản xuất, hoặc các công ty phục vụ cho chiến lược kinh doanh công ty trong thời gian tới.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



Tiếp tục kiện toàn lại hệ thống nhân sự từ công ty đến chi nhánh, từ công ty mẹ đến các công ty con để hoàn chỉnh các vị trí, tăng sự kết nối thông tin từ thị trường đến Ban điều hành nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ và hiệu quả trong việc ra quyết định.



Đẩy mạnh việc tìm kiếm phát triển các sản phẩm có tiềm năng để đưa vào kinh doanh, song song đó thành lập phòng đăng ký thuốc với ít nhất 15 nhân sự từ công ty mẹ đến công ty con để đáp ứng ít nhất chỉ tiêu có từ 20 hồ sơ sản phẩm mới được cấp phép lưu hành.



Phối hợp với các Trường Đại học, Viện nghiên cứu, các công ty chuyên về khoa học để tiếp nhận các đề tài nghiên cứu các sản phẩm dược phẩm tốt, có hiệu quả cao đưa vào phục vụ cho xã hội.



Tiếp tục thực hiện và mở rộng việc phối hợp các cơ sở đào tạo y, dược trên khắp cả nước để tạo nguồn nhân lực dồi dào và có chất lượng tốt, từ đó có thể thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà Hội đồng quản trị giao.



Tăng cường tham dự các CPHI trên thế giới và các hội thảo y dược lớn để nắm được xu hướng điều trị và xu thế sản xuất và sử dụng các sản phẩm trong ngành dược phẩm.



Tiếp tục việc cơ cấu lại các tài sản không trực tiếp mang lại hiệu quả cho việc kinh doanh lĩnh vực cốt lõi của của công ty nhằm tạo nguồn vốn dồi dào và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của Công ty.



Thực hiện các hoạt động nhằm nâng cao việc nhận diện thương hiệu Bepharco và các nhãn hàng trọng điểm Bepharco đang kinh doanh, qua đó lan rộng và cung cấp được các sản phẩm có chất lượng để phục vụ xã hội.



Tiếp tục đầu tư một các đồng bộ và có hiệu quả cho hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ cho hoạt động quản lý, kinh doanh của công ty. Đặc biệt là đáp ứng được các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và các đối tác nước ngoài.

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều Hành

Kế hoạch, định hướng của HĐQT



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	%2023/2022
Tổng giá trị tài sản	Đồng	840.719.747.340	855.608.264.278	101,77%
Doanh thu thuần	Đồng	754.618.414.804	811.616.215.375	107,55%
Lợi nhuận từ HĐKD	Đồng	19.211.438.288	22.933.467.167	119,37%
Lợi nhuận khác	Đồng	31.650.382.950	161.927.015	0,51%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	50.861.821.238	23.095.394.182	45,41%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	40.500.398.144	17.466.188.133	43,13%
Tỉ lệ chia cổ tức	%	7%	Dự kiến 7%	100%

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Nhìn chung năm 2023 là một năm hết sức khó khăn và thách thức cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với chi phí đầu vào tăng cao như giá nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, tiền lương công nhân, nguồn cung nguyên liệu bị đứt gãy,... Ngoài ra, công ty cũng gặp phải sự cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh cùng ngành nghề ngày càng gay gắt. Do đó, Công ty vừa phải phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra năm 2023 vừa phải đảm bảo sức khỏe, việc làm, thu nhập, đời sống cho CBCNVLĐ.

Với tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao sự quản lý điều hành nhạy bén, năng động và quyết đoán của Ban Tổng giám đốc, cùng sự thống nhất, nỗ lực, quyết tâm vì mục tiêu chung của toàn thể CBCNVLĐ nên năm 2023 mặc dù có nhiều khó khăn nhưng Công ty đã cố gắng để đạt được lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông năm 2023 giao. Mặc dù chưa hoàn thành được các chỉ tiêu bởi nhiều nguyên nhân đã đề cập nhưng tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV trong Công ty đã cố gắng và đoàn kết. Điều này cần được tiếp tục cải thiện và phát huy tốt trong năm 2024.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BĐH

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BĐH

- HĐQT đánh giá cao vai trò của Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do ĐHCĐ đề ra. Đồng thời Ban Tổng Giám đốc đã tiếp tục thực hiện việc cơ cấu lại tỷ lệ sở hữu tại các công ty con nhằm mang lại hiệu quả hơn trong sản xuất, kinh doanh.
- Với những khó khăn như đã nói ở trên, nhưng Hội đồng quản trị đã cùng Ban Tổng Giám đốc tìm mọi giải pháp cùng với đội ngũ cán bộ nhân viên công ty để đạt được kết quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh Công ty để Hội đồng Quản trị nhận định, đánh giá và có sự hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời như: cải tạo khu vực sản xuất nhà máy thuốc nước, tiếp đầu tư hệ thống máy cho công ty con, đẩy mạnh việc hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động để tăng sản lượng cho khối sản xuất từ đó tăng hiệu quả chung cho toàn Công ty.
- Công tác đầu tư, nghiên cứu sản xuất những sản phẩm mới trong hệ thống nhà máy trực thuộc Công ty, song song với việc phát triển các sản phẩm mới từ các đối tác nước ngoài để đưa về kinh doanh tại thị trường Việt Nam, cũng như mở rộng thêm thị trường trong khu vực Đông Nam Á bước đầu đã đạt được những kết quả nền tảng, là tiền đề để phát triển cho những năm tiếp theo.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

- Tiếp tục đẩy mạnh thị phần cho nhóm sản phẩm do hệ thống nhà máy trực thuộc Công ty sản xuất, nhóm sản phẩm do Công ty độc quyền phân phối, tiếp tục cơ cấu lại những nhóm sản phẩm chủ lực, có tiềm năng và mang lại hiệu quả cao trong kinh doanh.
- Bắt đầu thực hiện nhập khẩu các sản phẩm (đã đàm phán hoàn tất) của các đối tác nước ngoài để đưa vào kinh doanh, từ đó tạo thêm lợi thế cho đội ngũ kinh doanh và doanh số chung cho toàn công ty.
- Thành lập Phòng đăng ký và phát triển sản phẩm nhằm tăng cường đội ngũ nhân sự có chuyên môn sâu về đăng ký sản phẩm, đáp ứng yêu cầu mỗi năm nộp cho cơ quan quản lý Nhà nước từ 50 hồ sơ sản phẩm mới và đưa vào kinh doanh từ 10 sản phẩm mới trở lên.

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ủy ban kiểm toán

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm toán, Ban Tổng giám đốc.

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty



THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT

Tại ngày 31/12/2023

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Khắc Hanh	Chủ tịch - P.TGD	1.238.875	7,59%	-
2	Ông Phạm Thứ Triệu	TV HĐQT - TGD	3.209.834	19,66%	-
3	Ông Hoàng Xuân An	TV HĐQT - P.TGD	136.135	0,83%	-
4	Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	TV HĐQT độc lập	-	-	-
5	Ông Nguyễn Thanh Tùng	TV HĐQT độc lập	-	-	-

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Trần Huy Chương	TV HĐQT độc lập	31/03/2022	09/05/2023
2	Ông Nguyễn Thanh Tùng	TV HĐQT độc lập	09/05/2023	-

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

- Công ty có Ông Trần Nguyễn Gia Bảo và Nguyễn Thanh Tùng đáp ứng tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông **TRẦN NGUYỄN GIA BẢO**
Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh:

Trình độ chuyên môn:

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc Chi nhánh Techcombank tại TPHCM.

Quá trình công tác:

- Từ 2002 đến 2005: Nhân viên Ngân hàng Sacombank
- Từ 2005 đến 2011: Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng Sacombank
- Từ 2011 đến 2012: Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông
- Từ 2014 đến 2015: Trưởng phòng giao dịch HDBank
- Từ 2015 đến 2017: Giám đốc Kinh doanh – Trung tâm kinh doanh trực tiếp Ngân hàng Quốc tế VIB
- Từ 2017 đến 2021 (nay): Giám đốc Chi nhánh Techcombank tại TPHCM
- Từ năm 2022 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập CTCP Dược phẩm Bến Tre.

Số cổ phần nắm giữ: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có

Ông **NGUYỄN THANH TÙNG**
Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh:

Trình độ chuyên môn:

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT – CTCP Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

Quá trình công tác:

- Từ 07/2006 đến tháng 12/2007: Chuyên viên kế toán – CTCP May Việt Tiến
- Từ 12/2007 đến tháng 12/2011: Chuyên viên Tư vấn đầu tư – Công ty Chứng khoán Vietcombank
- Từ 01/2011 đến tháng 01/2012: Trưởng phòng Kinh doanh chi nhánh Bình Dương Công ty Chứng khoán Vietcombank
- Từ 01/2012 đến 12/2022: Trưởng phòng giao dịch Nam Sài Gòn, Phó phòng Môi giới, Phụ trách Tư vấn Đầu tư Công ty Chứng khoán Vietcombank
- Từ 09/05/2023 đến nay: Thành viên HĐQT độc lập CTCP Dược phẩm Bến Tre.

Số cổ phần nắm giữ: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có

- Lý lịch của Ông NGUYỄN KHẮC HANH; Ông PHẠM THỨ TRIỆU; và Ông HOÀNG XUÂN AN xem tại Lý lịch Ban điều hành.

CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Khắc Hanh	Chủ tịch - P.TGD	41/42	100%	-
2	Ông Phạm Thứ Triệu	TV HĐQT - TGD	41/42	100%	-
3	Ông Hoàng Xuân An	TV HĐQT - P.TGD	41/42	100%	-
4	Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	TV HĐQT độc lập	41/42	100%	-
5	Ông Trần Huy Chương	TV HĐQT độc lập	17/18	94,4%	Miễn nhiệm từ ngày 09/05/2023
6	Ông Nguyễn Thanh Tùng	TV HĐQT độc lập	23/23	100%	Bổ nhiệm từ ngày 09/05/2023

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01A/030123/NQ-DBT	03/01/2023	Thông qua các hợp đồng giữa Công ty với người nội bộ, người liên quan với người nội bộ hoặc tổ chức có liên quan với người nội bộ	100%
2	01/090123/NQ-DBT	09/01/2023	Chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu	100%
3	12/300123/NQ-DBT	30/01/2023	Bán cổ phiếu CDP và không còn là công ty liên kết với CTCP dược phẩm Trung ương Codupha	100%
4	02/22/QDBN-BPC	31/01/2023	Quyết định bổ nhiệm giám đốc tài chính	100%
5	19/080223/NQ-DBT	08/02/2023	Chấp thuận hạn mức tín dụng ngân hàng PBCE IOM	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
6	20/110223/NQ-DBT	11/02/2023	Thông qua việc phát hành văn bản bảo lãnh để đảm bảo khoản vay của CTCP Ypharco Healthcare tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai	100%
7	24/270223/NQ-DBT	27/02/2023	Xác định tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện	100%
8	26/270223/NQ-DBT	27/02/2023	Tiếp tục triển khai thực hiện phương án phát hành, thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	100%
9	30/270223/NQ-DBT	27/02/2023	Sửa đổi điều lệ, đăng ký chứng khoán bổ sung với VSD và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung với Hose	100%
10	33/23/QĐ-DBT	06/03/2023	Thay đổi vốn điều lệ Công ty	100%
11	35A/070323/NQ-DBT	07/03/2023	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	100%
12	39/200323	20/03/2023	Cử cán bộ đi nước ngoài	100%
13	41/300321/NQ-DBT	21/03/2023	Bán cổ phiếu CDP và không còn là công ty liên kết với CTCP dược phẩm Trung ương Codupha	100%
14	43/210323/NQ-DBT	21/03/2023	Điều chỉnh ngày Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2022	100%
15	45/21032023/NQ-DBT	21/03/2023	Thống nhất phê chuẩn giới hạn tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	100%
16	51/130423/NQ-DBT	13/04/2023	Thống nhất phê chuẩn giới hạn tín dụng tại Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam	100%



CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
17	61/23/BC-DBT	28/04/2023	Điều chỉnh một số nội dung liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	100%
18	64/080523/NQ-DBT	08/05/2023	Thông qua tài liệu chính thức trình ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2022	100%
19	73/23/NQ - HĐQT-DBT	13/06/2023	Bán cổ phiếu CDP và không còn là công ty liên kết với CTCP dược phẩm Trung ương Codupha	100%
20	74/23/NQ-DBT	16/06/2023	Mua cổ phần tăng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Ypharco Healthcare	100%
21	76/23/NQ-DBT	29/06/2023	Thông qua việc phát hành văn bản bảo lãnh để đảm bảo khoản vay của CTCP Ypharco Healthcare tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam -chi nhánh Thăng Long	100%
22	79/300623/NQ-DBT	30/06/2023	Thành lập chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm Bến tre tại Tây Nguyên	100%
23	81/050723/NQ-	04/07/2023	Quyết định thành lập chi nhánh Tây Nguyên	100%
24	83/070723/NQ-DBT	07/07/2023	Quyết định chi thù lao HĐQT	100%
25	85/100723/NQ-DBT	11/07/2023	Giao nhiệm vụ ký HĐ thuê Văn phòng chi nhánh Tây Nguyên	100%
26	85/180723/NQ-DBT	18/07/2023	Quyết định thuê đơn vị kiểm toán BCTC bán niên	100%
27	89/250723/NQ-DBT	18/07/2023	Quyết định cử nhân sự đi nước ngoài	100%
28	90/280723/NQ-DBT	28/07/2023	Nghị quyết về việc thông báo thực hiện sửa đổi, bổ sung một số ngành nghề kinh doanh	100%
29	94/310723/NQ-DBT	31/07/2023	Định hướng đẩy mạnh hoạt động Marketing	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
30	95/020823/NQ-DBT	02/08/2023	Kiện toàn Ủy ban kiểm toán của Công ty	100%
31	96/020823/NQ-DBT	03/08/2023	Thông qua phương án xử lý số cổ phiếu người lao động không thực hiện quyền mua trong đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty	100%
32	99/210823/NQ-DBT	21/08/2023	Thông qua kết quả người lao động thực hiện quyền mua trong đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty	100%
33	103/210823/NQ-DBT	23/08/2023	Đính chính nội dung Nghị quyết số 51/130423/NQ-DBT	100%
34	105/280823/NQ-DBT	28/08/2023	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Phú Nhuận	100%
35	109/080923/NQ-DBT	08/09/2023	Thông qua việc sửa đổi Điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, đăng ký chứng khoán bổ sung với VSDC và đăng ký niêm yết bổ sung với HOSE	100%
36	113/23/NQ-DBT	20/09/2023	Thông qua hạn mức tín dụng ngắn hạn tại ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	100%
37	115/23/NQ-DBT	10/10/2023	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng Shinhan Việt Nam	100%
38	117/241023/NQ-DBT	24/10/2023	Mua tăng tỷ lệ cổ phần tại CTCP Ypharco Healthcare	100%
39	120/23/NQ-DBT	13/11/2023	Thông qua bảo lãnh khoản vay của Công ty cổ phần Ypharco Healthcare tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	100%
40	121/23/NQ-DBT	06/12/2023	Thông qua việc điều chuyển hạn mức tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) cho Công ty cổ phần dược phẩm Yên Bái	100%
41	122/23/NQ-DBT	27/12/2023	Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong	100%

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Chi chú
1	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch UBKT	- Thành viên UBKT từ ngày 09/05/2023 - Chủ tịch UBKT từ ngày 02/08/2023
2	Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	Thành viên UBKT	- Chủ tịch UBKT đến ngày 01/08/2023 - Từ ngày 02/08/2023 là thành viên UBKT

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	- Chủ tịch UBKT - Thành viên UBKT	- 02/08/2023	01/08/2023 -
2	Ông Trần Huy Chương	- Thành viên UBKT	-	09/05/2023
3	Ông Nguyễn Thanh Tùng	- Thành viên UBKT - Chủ tịch UBKT	09/05/2023 02/08/2023	01/08/2023 -

CÁC CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	Chủ tịch UBKT	2/2	2/2
2	Ông Trần Huy Chương	TV UBKT	1/1	1/1
3	Ông Nguyễn Thanh Tùng	TV UBKT	1/1	1/1

LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN

- Xem ở phần lý lịch Ban Điều Hành và Hội đồng quản trị

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN



Giám sát việc thực hiện tổ chức ĐHCĐ thường niên cho năm tài chính 2023.



Kiểm tra và giám sát HĐQT về việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.



Kiểm tra và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết HĐQT.



Ủy ban Kiểm toán phối hợp với Ban Tổng Giám đốc, Phòng Tài chính Kế toán và các phòng ban chức năng thực hiện việc kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chấp hành, tuân thủ những quy định của pháp luật, những quy định của công ty có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

SỰ PHỐI HỢP GIÁM SÁT CỦA UBKT ĐỐI VỚI HĐQT, BĐH VÀ CỔ ĐÔNG



Ủy ban Kiểm toán phối hợp với Ban Tổng Giám đốc, Phòng Tài chính Kế toán và các phòng ban chức năng thực hiện việc kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chấp hành, tuân thủ những quy định của pháp luật, những quy định của công ty có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA ỦY BAN KIỂM SOÁT

- Không có



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, UBKT VÀ BĐH



LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Họ và Tên	Chức vụ	ĐVT	Lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Chủ tịch HĐQT Phó Tổng giám đốc	Đồng	1.658.896.509
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	Đồng	1.894.631.963
Ông Hoàng Xuân An	Thành viên HĐQT Phó tổng giám đốc	Đồng	1.485.631.963
Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	Thành viên HĐQT Thành viên UBKT	Đồng	150.000.000
Ông Trần Huy Chương	Thành viên HĐQT Thành viên UBKT (đến ngày 9 tháng 5 năm 2023)	Đồng	72.903.226
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán (từ ngày 2 tháng 8 năm 2023)	Đồng	77.096.774
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Giám đốc tài chính	Đồng	612.801.963
Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch trước đây	Đồng	-



GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cp	Tỷ lệ	Số cp	Tỷ lệ	
1	CTCP thương mại và rang xay cà phê Việt Nam	Người liên quan (ông Phạm Thứ Triệu là Giám đốc CTCP thương mại và rang xay cà phê Việt Nam)	-	-	600.000	3,8%	Mua đầu tư
2	Trần Huy Chương	Người nội bộ	753.500	4,82%	-	-	Bán vì lý do cá nhân
3	Phạm Thứ Triệu	Người nội bộ	1.970.004	12,61%	2.355.004	15,1%	Mua đầu tư
4	11 người nội bộ (không bao gồm Nguyễn Thanh Tùng, Trần Huy Chương, Trần Nguyễn Thái Bảo) thực hiện mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo các Nghị quyết ĐHĐCĐ/ HĐQT đã được công bố thông tin.						



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, UBKT VÀ BĐH



GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Quan hệ với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định	Tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	CTCP Dược phẩm Yên Bái	Công ty con	- 01A/030123/NQ-DBT - 24/NQ-ĐHCĐ22	82.797.002.888	Giao dịch mua hàng hoá
				5.414.422.150	Giao dịch bán hàng hoá
				42.040.880	Trả lại hàng
				3.000.000.000	Vay
				6.500.000.000	Trả nợ vay
				171.419.177	Lãi vay
				306.932.122	Sử dụng dịch vụ
2	CTCP Dược phẩm Trung ương Codupha	Tổ chức có liên quan của Người nội bộ	01A/030123/NQ-DBT	155.008.306	Bán hàng hoá
				1.268.085.000	Cổ tức
3	Công ty Cổ phần phát triển công nghệ Bionex Medical	Công ty liên kết	01A/030123/NQ-DBT	3.000.000.000	Công ty Cổ phần phát triển công nghệ Bionex Medical từ ngày 22/03/2023
4	Công ty cổ phần Ypharco Healthcare	Công ty liên kết	- 01A/030123/NQ-DBT - 24/NQ-ĐHCĐ22	2.141.100.000 (mua hàng hoá)	đổi tên thành Công ty cổ phần Ypharco Healthcare.
				20.000.000.000 (giao dịch)	
				51.698.840 (bán hàng cung cấp dịch vụ)	



ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty luôn chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị Công ty như:

- Luật, Nghị định, Thông tư và Quy định về quản trị công ty, về hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Các văn bản luật có liên quan khác.

Công ty đã cụ thể hóa các quy định về quản trị tại các quy định nội bộ bao gồm: Điều lệ hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.



60 NĂM - 1 NIỀM TIN

Business activity of company and subdivisions
Data and prognosis of activity

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 52

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 2 tháng 8 năm 2023
Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 2 tháng 8 năm 2023
	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 2 tháng 8 năm 2023
Ông Trần Huy Chương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Giám đốc Tài Chính	bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khắc Hanh
Ông Phạm Thứ Triệu

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("CNĐKDN") số 1300382591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 5 tháng 7 năm 2004, và các Giấy CNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 657/QĐ-SGDHN do HNX ban hành ngày 19 tháng 10 năm 2009. Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 428/QĐ-SGDHCM ban hành bởi HOSE vào ngày 4 tháng 8 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") là buôn bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê kho bãi và mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Văn phòng đại diện tại số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh của Công ty như sau:

- P803, Tầng 8, Tòa nhà IDMC, Số 21 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội;
- Số 234, Đường 30/06, Phố Bạch Đằng, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình;
- Số 725, Đường Yên Ninh, Phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái;
- Lô A3-28 và A3-29, Đường Nguyễn Chí Diểu, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng;
- Thôn Hòn Nghê, Đường Nguyễn Xiển, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
- Số 91/21A, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ;
- Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre; và
- Số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số 331, Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Tiến, Thành phố Buon Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khắc Hanh	Chủ tịch	
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên	
Ông Hoàng Xuân An	Thành viên	
Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2023
Ông Trần Huy Chương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2023

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính của Nhóm Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024



Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 12315203/66926360/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3040-2024-004-1



Tôn Thiện Bảo Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4177-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		688.911.819.374	661.295.874.392
110	I. Tiền	5	20.647.928.861	12.893.753.437
111	1. Tiền		20.647.928.861	12.893.753.437
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	61.050.570.995	14.336.375.222
121	1. Chứng khoán kinh doanh		39.493.142.987	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		21.557.428.008	14.336.375.222
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		248.211.290.038	208.099.663.910
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	172.046.773.430	159.916.810.951
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	20.980.368.208	7.311.469.424
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	33	20.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	36.985.637.890	42.610.414.146
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(1.801.489.490)	(1.739.030.611)
140	IV. Hàng tồn kho	10	355.920.843.839	416.049.394.793
141	1. Hàng tồn kho		360.339.300.587	425.875.063.015
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.418.456.748)	(9.825.668.222)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.081.185.641	9.916.687.030
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.617.385.495	1.374.863.617
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	1.463.800.146	8.446.950.386
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	-	94.873.027

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		166.696.444.904	179.423.872.948
210	I. Phải thu dài hạn		3.080.779.785	2.345.163.769
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	3.080.779.785	2.345.163.769
220	II. Tài sản cố định		66.251.818.536	64.591.252.854
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	52.515.391.528	54.713.560.226
222	Nguyên giá		130.155.502.820	128.420.200.246
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(77.640.111.292)	(73.706.640.020)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	6.348.031.409	5.481.872.825
225	Nguyên giá		9.512.654.892	6.686.873.687
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.164.623.483)	(1.205.000.862)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	7.388.395.599	4.395.819.803
228	Nguyên giá		9.845.185.373	6.660.480.457
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.456.789.774)	(2.264.660.654)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	1. Nguyên giá		52.826.363	52.826.363
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(52.826.363)	(52.826.363)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		7.758.546.982	9.052.019.378
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	7.758.546.982	9.052.019.378
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	16	39.768.255.581	54.215.601.316
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		39.768.255.581	54.215.601.316
260	VI. Tài sản dài hạn khác		49.837.044.020	49.219.835.631
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	37.979.155.396	41.739.784.110
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	32.3	10.942.319.434	6.248.320.815
268	3. Tài sản dài hạn khác		12.300.000	
269	4. Lợi thế thương mại	17	903.269.190	1.231.730.706
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		855.608.264.278	840.719.747.340

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		607.723.197.090	616.426.857.523
310	I. Nợ ngắn hạn		596.351.753.451	600.017.617.474
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	83.813.805.474	166.406.675.912
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	1.489.890.211	4.585.378.430
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	10.600.025.908	3.131.194.886
314	4. Phải trả người lao động		23.287.815.793	22.489.586.587
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	8.862.148.000	5.457.754.967
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		272.662.624	250.262.624
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	1.151.736.635	1.002.088.197
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	465.113.468.695	394.227.804.924
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24	1.760.200.111	2.466.870.947
330	II. Nợ dài hạn		11.371.443.639	16.409.240.049
337	1. Phải trả dài hạn khác	22	70.444.444	94.444.444
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	11.300.999.195	16.314.795.605
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		247.885.067.188	224.292.889.817
410	I. Vốn chủ sở hữu	25.1	247.835.067.188	224.242.889.817
411	1. Vốn cổ phần		163.254.770.000	142.051.160.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		163.254.770.000	142.051.160.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		523.056.160	523.056.160
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(1.521.820.926)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		9.354.804.815	9.354.804.815
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.536.822.093	2.536.822.093
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		64.196.630.069	64.557.629.815
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		49.475.754.527	26.566.789.067
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		14.720.875.542	37.990.840.748
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		7.968.984.051	6.741.237.860
430	II. Nguồn kinh phí		50.000.000	50.000.000
431	1. Nguồn kinh phí		50.000.000	50.000.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		855.608.264.278	840.719.747.340



Nguyễn Thùy Dung
Người lập

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam



Nguyễn Việt Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	812.608.883.536	755.855.570.573
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(992.668.161)	(1.237.155.769)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	811.616.215.375	754.618.414.804
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(502.000.339.709)	(503.449.158.404)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		309.615.875.666	251.169.256.400
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	4.524.304.265	5.270.880.972
22	7. Chi phí tài chính	28	(49.685.341.302)	(27.563.167.317)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(39.533.199.590)	(26.248.992.969)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	16	1.000.182.044	5.367.522.985
25	9. Chi phí bán hàng	29	(192.202.575.281)	(162.002.259.065)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(50.318.978.225)	(53.030.795.687)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.933.467.167	19.211.438.288
31	12. Thu nhập khác	30	2.400.215.627	31.878.717.040
32	13. Chi phí khác	30	(2.238.288.612)	(228.334.090)
40	14. Lợi nhuận khác	30	161.927.015	31.650.382.950
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.095.394.182	50.861.821.238
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(10.323.204.668)	(12.014.885.335)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.3	4.693.998.619	1.653.462.241
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		17.466.188.133	40.500.398.144
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		16.194.822.010	37.990.840.748
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.271.366.123	2.509.557.396

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.5	893	2.372
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25.5	893	2.372



Nguyễn Thùy Dung
Người lập

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Viết Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.095.394.182	50.861.821.238
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 13, 14, 17	8.884.218.133	7.554.081.485
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(5.344.752.595)	1.724.980.390
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		652.343.947	227.958.449
05	Lỗi (lãi) từ hoạt động đầu tư		4.054.262.002	(37.836.316.004)
06	Chi phí lãi vay	28	39.533.199.590	26.248.992.969
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		70.874.665.259	48.781.518.527
09	Tăng các khoản phải thu		(12.199.526.980)	(35.384.653.458)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		65.535.762.428	(15.583.283.860)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(84.185.925.128)	1.045.155.965
12	Giảm chi phí trả trước		3.518.106.836	8.600.144.483
14	Tiền lãi vay đã trả		(39.419.128.547)	(25.891.777.732)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(1.914.510.905)	(13.638.884.242)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.847.802.524)	(1.252.140.613)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		361.640.439	(33.323.920.930)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(7.317.947.414)	(22.013.758.790)
22	Tiền thu do nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.126.255.610	31.599.341.054
23	Tiền gửi có kỳ hạn		(27.221.052.786)	(3.146.339.606)
25	Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác		(41.580.000.000)	(6.799.059.387)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.615.082.013	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia		2.811.868.077	641.730.210
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(62.565.794.500)	281.913.481

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	25.1	7.000.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	23	782.262.424.716	670.634.012.725
34	Tiền trả nợ gốc vay	23	(717.051.763.948)	(640.733.601.703)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	23	(2.275.524.107)	(2.684.065.944)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		69.935.136.661	27.216.345.078
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		7.730.982.600	(5.825.662.371)
60	Tiền đầu năm		12.893.753.437	18.962.837.445
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		23.192.824	(243.421.637)
70	Tiền cuối năm	5	20.647.928.861	12.893.753.437



Nguyễn Thùy Dung
Người lập



Nguyễn Viết Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Thu Triệu
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“CNĐKKD”) số 1300382591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 7 năm 2004, và các Giấy CNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 657/QĐ-SGDHN do HNX ban hành ngày 19 tháng 10 năm 2009. Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 428/QĐ-SGDHCM do HOSE ban hành vào ngày 4 tháng 8 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”) là mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Văn phòng đại diện tại số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh của Công ty như sau:

- P803, Tầng 8, Tòa nhà IDMC, Số 21 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội;
- Số 234, Đường 30/06, Phố Bạch Đằng, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình;
- Số 725, Đường Yên Ninh, Phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái;
- Lô A3-28 và A3-29, Đường Nguyễn Chí Diểu, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng;
- Thôn Hòn Nghê, Đường Nguyễn Xiển, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
- Số 91/21A, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ;
- Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre;
- Số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- Số 331, Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Tiến, Thành phố Buon Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 713 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 670).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty con				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Đang hoạt động	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	92,4	92,4
Công ty Cổ phần Bepharco Healthcare	Trước hoạt động	Sản xuất kinh doanh dược phẩm, hóa dược, dược liệu	100	100
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare	Đang hoạt động	Kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	47,9	49

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Nhóm Công ty sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng mua đang đi đường và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá gốc thành phẩm hàng hóa áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 25 năm
Quyền sử dụng đất	45 - 48 năm
Phần mềm máy tính	2 - 5 năm
Khác	4 - 5 năm

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất 10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước;
- ▶ Chi phí hợp tác kinh doanh;
- ▶ Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Quyền phân phối sản phẩm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm các số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo thông báo số 1893/TB-CCT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 9 tháng 10 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 4 tháng, thông báo số 1732/TB-CT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 27 tháng 7 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 6 tháng và công văn số 3279/CV-NVDTPC ký với Cục Thuế Tỉnh Yên Bái vào ngày 18 tháng 9 năm 2020 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại* (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.13 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.14 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

► *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Nguồn kinh phí cho hoạt động của Hội đồng Quản trị.

3.17 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê kho bãi và mặt bằng. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm, dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Chuyển nhượng một phần cổ phần của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("CDP")

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 73/23/NQ-HDQT-DBT ngày 13 tháng 6 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch chuyển nhượng 756.950 cổ phiếu của Codupha. Vào ngày 22 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty đã hoàn tất thanh lý 756.950 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha với giá trị là 8.667.077.500, theo đó, giảm tỷ lệ sở hữu từ 23,14% xuống 18,99% VND. Nhóm Công ty đã ghi nhận lỗ từ thanh lý khoản đầu tư với số tiền là 9.121.043.218 VND vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare ("Ypharco Healthcare")

Trong năm, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 2.950.000 cổ phần tương đương với 49% sở hữu của Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 74/23/NQ-DBT, Nghị quyết HĐQT số 117/241023/NQ-DBT và hợp đồng mua bán lần lượt đề ngày 25 tháng 4 năm 2023, ngày 19 tháng 6 năm 2023 và ngày 4 tháng 12 năm 2023. Theo đó, Ypharco Healthcare trở thành công ty liên kết của Nhóm Công ty.

5. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	19.964.949.215	11.491.562.560
Tiền mặt	630.250.650	1.402.190.877
Tiền đang chuyển	52.728.996	-
TỔNG CỘNG	20.647.928.861	12.893.753.437

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

Số dư thể hiện khoản đầu tư vào cổ phiếu đang giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") - Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha với mã chứng khoán CDP, chi tiết như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2023			
Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
3.470.000	39.493.142.987	39.493.142.987	-

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	11.557.428.008	11.557.428.008	6.336.375.222	6.336.375.222
Trái phiếu (**)	10.000.000.000	10.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
TỔNG CỘNG	21.557.428.008	21.557.428.008	14.336.375.222	14.336.375.222

(*) Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ sáu (6) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 4,4%/năm đến 6%/năm. Khoản tiền gửi này được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 23.1).

(**) Đây là 100.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/ trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất từ lãi suất LIBOR + 1%/năm đến lãi suất LIBOR + 1,3%/năm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam. Toàn bộ khoản trái phiếu này đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre (Thuyết minh số 23.1).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	172.012.674.590	159.814.028.893
Bên liên quan (Thuyết minh số 33)	34.098.840	102.782.058
TỔNG CỘNG	172.046.773.430	159.916.810.951
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.492.083.474)	(1.429.624.595)
GIÁ TRỊ THUẦN	170.554.689.956	158.487.186.356

Toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 23.1).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.429.624.595	829.148.818
Dự phòng trích lập trong năm	1.085.036.429	1.030.385.877
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.022.577.550)	(429.910.100)
Số cuối năm	1.492.083.474	1.429.624.595

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	15.384.699.608	7.311.469.424
- Công ty TNHH Delorbis Pharmaceuticals	3.041.484.264	-
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Công ty TNHH Xây dựng K.N.G	3.000.000.000	3.000.000.000
- PRO.MED.CS Praha a.s.	2.206.512.000	2.206.512.000
- Khác	2.147.512.892	298.143.014
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 33)	4.989.190.452	1.806.814.410
	5.595.668.600	-
TỔNG CỘNG	20.980.368.208	7.311.469.424

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	36.985.637.890	42.610.414.146
Tạm ứng cho nhân viên	25.807.399.549	36.641.847.111
Đặc cọc, kí quỹ	9.718.853.005	4.010.953.585
Khác	1.459.385.336	1.957.613.450
Dài hạn	3.080.779.785	2.345.163.769
Đặc cọc, kí quỹ	2.980.779.785	2.226.942.769
Khác	100.000.000	118.221.000
TỔNG CỘNG	40.066.417.675	44.955.577.915
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(309.406.016)	(309.406.016)
GIÁ TRỊ THUẦN	39.757.011.659	44.646.171.899

Trong đó:

Các bên khác	36.856.006.716	44.955.577.915
Các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	3.210.410.959	-

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khác ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	309.406.016	-
Dự phòng trích lập trong năm	-	309.406.016
Số cuối năm	309.406.016	309.406.016

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Hàng hóa (*)	295.361.601.588	(4.368.554.496)	319.696.418.972	(9.760.160.356)	
Thành phẩm	51.449.307.314	(49.902.252)	29.527.702.323	(65.507.866)	
Nguyên liệu, vật liệu	9.513.009.432	-	15.705.634.670	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.080.811.809	-	7.322.047.504	-	
Hàng mua đang đi trên đường	1.888.512.305	-	53.570.069.546	-	
Hàng hóa ký gửi	43.418.139	-	53.190.000	-	
Công cụ, dụng cụ	2.640.000	-	-	-	
TỔNG CỘNG	360.339.300.587	(4.418.456.748)	425.875.063.015	(9.825.668.222)	

(*) Hàng tồn kho (được phẩm các loại) đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 23.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.825.668.222	9.010.569.625
Dự phòng trích lập trong năm	21.914.440.738	22.087.461.506
Sử dụng trong năm	(27.321.652.212)	(21.272.362.909)
Số cuối năm	4.418.456.748	9.825.668.222

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.617.385.495	1.374.863.617
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	713.281.060	689.696.578
Chi phí mua bảo hiểm	542.572.252	485.840.129
Khác	361.532.183	199.326.910
Dài hạn	37.979.155.396	41.739.784.110
Tiền thuê đất trả trước (*)	27.532.545.340	28.898.440.983
Chi phí sửa chữa, cải tạo nhà kho	3.488.032.226	3.525.617.095
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.732.780.946	2.452.077.566
Chi phí quảng cáo	746.249.999	2.225.750.000
Khác	3.479.546.885	4.637.898.466
TỔNG CỘNG	39.596.540.891	43.114.647.727

(*) Các quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre và tỉnh Yên Bái đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 23.1).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị văn phòng		Tổng cộng
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Nguyên giá:									
Số đầu năm	63.294.012.211	44.616.077.545	13.684.905.292	6.825.205.198	128.420.200.246	1.491.299.778	2.869.000.000	92.727.273	130.155.502.820
Mua trong năm	-	1.491.299.778	-	-	-	-	-	-	1.491.299.778
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	2.869.000.000	-	-	-	-	-	-	2.869.000.000
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	92.727.273	-	-	-	-	-	-	92.727.273
Thanh lý trong năm	(1.074.041.799)	(871.762.360)	(771.920.318)	-	(771.920.318)	-	-	-	(2.717.724.477)
Số cuối năm	62.219.970.412	48.197.342.236	12.912.984.974	6.825.205.198	128.420.200.246	1.491.299.778	2.869.000.000	92.727.273	130.155.502.820
Trong đó:									
Đã khấu hao hết	6.648.176.292	26.674.594.640	4.037.827.430	1.944.421.797	39.305.020.159	-	-	-	39.305.020.159
Giá trị khấu hao lũy kế:									
Số đầu năm	(23.798.953.441)	(38.057.200.279)	(8.479.151.990)	(3.371.334.310)	(73.706.640.020)	(6.311.277.603)	(92.727.273)	(2.470.533.604)	(87.706.640.020)
Khấu hao trong năm	(2.828.360.402)	(1.775.054.474)	(1.143.555.596)	(564.307.131)	(6.311.277.603)	(92.727.273)	(2.470.533.604)	(77.640.111.292)	(73.706.640.020)
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	(92.727.273)	-	-	-	-	-	-	(92.727.273)
Thanh lý trong năm	1.054.628.704	643.984.582	771.920.318	-	2.470.533.604	-	-	-	2.470.533.604
Số cuối năm	(25.572.685.139)	(39.280.997.444)	(8.850.787.268)	(3.935.641.441)	(77.640.111.292)	-	-	-	(87.706.640.020)
Giá trị còn lại:									
Số đầu năm	39.495.058.770	6.558.877.266	5.205.753.302	3.453.870.888	54.713.560.226	-	-	-	54.713.560.226
Số cuối năm	36.647.285.273	8.916.344.792	4.062.197.706	2.889.563.757	52.515.391.528	-	-	-	52.515.391.528
Trong đó:									
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 23.1 và 23.3)	31.125.460.292	4.324.761.810	2.553.049.794	-	38.003.271.896	-	-	-	38.003.271.896

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Nhãn hiệu hàng hóa	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	4.302.988.457	2.042.992.000	314.500.000	6.660.480.457
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	3.184.704.916	-	3.184.704.916
Số cuối năm	4.302.988.457	5.227.696.916	314.500.000	9.845.185.373
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	1.534.767.000	-	1.534.767.000
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	(517.005.329)	(1.674.272.001)	(73.383.324)	(2.264.660.654)
Hao mòn trong năm	(39.289.692)	(121.389.432)	(31.449.996)	(192.129.120)
Số cuối năm	(556.295.021)	(1.795.661.433)	(104.833.320)	(2.456.789.774)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	3.785.983.128	368.719.999	241.116.676	4.395.819.803
Số cuối năm	3.746.693.436	3.432.035.483	209.666.680	7.388.395.599
Trong đó:				
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 23.1 và số 23.3)	3.766.338.257	-	-	3.766.338.257

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	VND Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	92.727.273	6.594.146.414	6.686.873.687
Thuê trong năm	227.777.778	2.690.730.700	2.918.508.478
Chuyển sang TSCĐ	(92.727.273)	-	(92.727.273)
Số cuối năm	227.777.778	9.284.877.114	9.512.654.892
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(46.363.635)	(1.158.637.227)	(1.205.000.862)
Khấu hao trong năm	(55.854.378)	(1.996.495.516)	(2.052.349.894)
Chuyển sang TSCĐ	92.727.273	-	92.727.273
Số cuối năm	(9.490.740)	(3.155.132.743)	(3.164.623.483)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	46.363.638	5.435.509.187	5.481.872.825
Số cuối năm	218.287.038	6.129.744.371	6.348.031.409

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Máy móc đang chờ lắp đặt	6.849.893.704	6.613.480.000
Bản quyền thuốc	482.500.000	-
Phát triển phần mềm	426.153.278	-
Sửa chữa kho	-	2.438.539.378
TỔNG CỘNG	7.758.546.982	9.052.019.378

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Số dư thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare ("Ypharco Healthcare"), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0108802961 ngày 28 tháng 6 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Hoạt động chính đã đăng ký của Ypharco Healthcare là sản xuất, kinh doanh dược phẩm, hóa dược, dược liệu.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty sở hữu 49% vốn cổ phần của Ypharco Healthcare.

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết này được trình bày như sau:

	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare	VND Tổng cộng
Giá gốc đầu tư:			
Số đầu năm	48.108.225.000	-	48.108.225.000
Tăng trong năm	-	41.580.000.000	41.580.000.000
Giảm trong năm	(48.108.225.000)	-	(48.108.225.000)
Số cuối năm	-	41.580.000.000	41.580.000.000
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:			
Số đầu năm	6.107.376.316	-	6.107.376.316
Phần lãi (lỗ) từ công ty liên kết trong năm	2.811.926.463	(1.811.744.419)	1.000.182.044
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.026.686.697)	-	(1.026.686.697)
Cổ tức	(1.268.085.000)	-	(1.268.085.000)
Thanh lý khoản đầu tư	(6.624.531.082)	-	(6.624.531.082)
Số cuối năm	-	(1.811.744.419)	(1.811.744.419)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	54.215.601.316	-	54.215.601.316
Số cuối năm	-	39.768.255.581	39.768.255.581

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái

Nguyên giá:

Số đầu năm và cuối năm 3.284.615.191

Giá trị phân bổ lũy kế:

Số đầu năm (2.052.884.485)

Phân bổ trong năm (328.461.516)

Số cuối năm (2.381.346.001)

Giá trị còn lại:

Số đầu năm 1.231.730.706

Số cuối năm 903.269.190

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Công ty TNHH Gedeon Richter Việt Nam	38.432.047.176	5.340.710.886
Cadila Healthcare Ltd.	12.951.604.163	7.749.042.443
Raptakos Brett Company Limited	2.042.320.800	78.873.593.832
Khác	30.387.833.335	74.443.328.751
TỔNG CỘNG	83.813.805.474	166.406.675.912

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Vương Thị Thùy Dung	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Meracine	236.795.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Phát triển Y tế Hà Nội	186.329.640	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học và Dược phẩm Đông Dương	-	2.079.485.520
Khác	66.765.571	1.505.892.910
TỔNG CỘNG	1.489.890.211	4.585.378.430

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp	3.131.194.886	143.609.059.706	(136.140.228.684)	10.600.025.908
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.628.537.825	10.323.204.668	(1.914.510.905)	10.037.231.588
Thuế thu nhập cá nhân	1.502.657.061	4.345.397.638	(5.424.172.214)	423.882.485
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	121.814.725.521	(121.675.813.686)	138.911.835
Thuế nhập khẩu	-	7.125.731.879	(7.125.731.879)	-
Phải thu	8.541.823.413	117.262.552.520	(124.340.575.787)	1.463.800.146
Thuế giá trị gia tăng	8.446.950.386	114.020.632.015	(121.003.782.255)	1.463.800.146
Thuế nhập khẩu	94.873.027	2.174.753.200	(2.269.626.227)	-
Khác	-	1.067.167.305	(1.067.167.305)	-

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí chương trình quà tặng khuyến mãi	6.953.870.617	3.006.524.910
Lãi vay	753.931.044	639.860.001
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	412.093.028	277.216.730
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	235.000.000	305.000.004
Thưởng kinh doanh	-	861.581.345
Khác	507.253.311	367.571.977
TỔNG CỘNG	8.862.148.000	5.457.754.967

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.151.736.635	1.002.088.197
Kinh phí công đoàn	621.934.021	496.566.134
Cổ tức phải trả	429.488.150	429.488.150
Khác	100.314.464	76.033.913
Dài hạn	70.444.444	94.444.444
Ký quỹ đã nhận	70.444.444	94.444.444
TỔNG CỘNG	1.222.181.079	1.096.532.641

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	394.227.804.924	465.113.468.695
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 23.1)	387.388.641.522	458.649.214.490
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 23.2)	87.436.637	87.436.637
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 23.3)	-	-
Nợ thuế tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 23.4)	5.548.880.917	4.693.240.917
Vay dài hạn	16.314.795.605	11.300.999.195
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 23.3)	13.529.564.373	8.335.292.173
Nợ thuế tài chính (Thuyết minh số 23.4)	2.785.231.232	2.965.707.022
TỔNG CỘNG	410.542.600.529	476.414.467.890

	Trả trong năm	Phân loại lại
Vay ngắn hạn	(717.322.339.502)	6.414.033.357
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 23.1)	(710.533.396.948)	-
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 23.2)	-	-
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 23.3)	-	-
Nợ thuế tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 23.4)	(5.363.550.000)	4.507.910.000
Vay dài hạn	(2.004.948.553)	(6.414.033.357)
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 23.3)	(1.154.817.000)	(4.507.910.000)
Nợ thuế tài chính (Thuyết minh số 23.4)	(850.131.553)	(1.906.123.357)
TỔNG CỘNG	(719.327.288.055)	-

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
-----------	-------------	-----------------------	------------------	-------------------

(VND)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre

Khoản vay 1	319.706.267.783	Từ ngày 20 tháng 2 năm 2024 đến ngày 29 tháng 8 năm 2024	8 - 8,7	- 100.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/ trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam phát hành
				- 3.485.470 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái phát hành;
				- Quyền thu nợ đối với toàn bộ các khoản phải thu khách hàng của Công ty;
				- Hàng tồn kho được phẩm các loại của Công ty;
				- Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, các quyền sử dụng đất thuê của Công ty tại thửa đất số 10, số 13, số 43, số 77, số 80, số 81, số 85, số 144, thửa đất số 10, số 13, số 43, số 77, số 80, số 81, số 85, số 144, tỉnh Bến Tre của Công ty;
				- Các phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Công ty;
				- Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sơn - Chất dẻo.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thuật Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung

Khoản vay 1	65.272.115.090	Từ ngày 8 tháng 5 năm 2024 đến ngày 20 tháng 8 năm 2024	7,04 - 8,2	- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất 295, tờ bản đồ số 64, Khu vực 2, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ của Công ty;
				- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 64, 91/21A đường Cách Mạng Tháng 8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ của Công ty;
				- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 480/2010/TĐ.BĐ, Thôn Hòn Nghé, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa của Công ty;
				- Hàng tồn kho luân chuyển với giá trị 100.000.000 VND của Công ty;
				- Quyền thu nợ luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị 102.000.000.000 VND của Công ty.

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
-----------	-------------	-----------------------	------------------	-------------------

(VND)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái

Khoản vay 1	25.091.985.751	Từ ngày 7 tháng 2 năm 2024 đến ngày 29 tháng 8 năm 2024	7,7 - 9	- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 01, Tờ bản đồ số 218/2018/BĐĐC, Tờ bản đồ số 3, Phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái;
				- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 01, Tờ bản đồ số 02/2014/BĐĐC, Tờ bản đồ số 3, Phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái;
				- Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn

Khoản vay 1	19.961.072.474	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2024 đến ngày 28 tháng 9 năm 2024	8,0 - 8,5	- Quyền thu nợ luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị 35.000.000.000 VND của Công ty;
				- Hợp đồng tiền gửi trị giá 3.000.000.000 VND của Công ty.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận

Khoản vay 1	19.747.744.440	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2024 đến ngày 18 tháng 9 năm 2024	6,5 - 8	- Hợp đồng tiền gửi trị giá 3.489.428.008 VND của Công ty;
				- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 6 Nguyễn Chi Diểu, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng của Công ty
				- Hàng tồn kho luân chuyển với giá trị 20.000.000.000 VND của Công ty

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh				
Khoản vay 1	4.446.654.870	Ngày 15 tháng 5 năm 2024	5,8	Hàng tồn kho luân chuyển với giá trị 35.000.000.000 VND của Công ty; - Hợp đồng tiền gửi trị giá 3.068.000.000 VND của Công ty.
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn				
Khoản vay 1	2.585.436.560	Ngày 11 tháng 6 năm 2024	5	Hợp đồng tiền gửi trị giá 1.000.000.000 VND của Công ty.
Ngân hàng Thương mại Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái				
Khoản vay 1	1.837.937.522	Ngày 25 tháng 2 năm 2024	9	- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất ở số 1 Đường Đại Đồng, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái của Công ty Cổ phần Dược Yên Bái. - Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái.

TỔNG CỘNG **458.649.214.490**

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**23.2 Vay ngắn hạn các bên khác**

Các khoản vay ngắn hạn từ các bên khác là các khoản vay tín chấp từ Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Bến Tre; từ nhân viên và từ các cá nhân khác để bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho Nhóm Công ty. Các khoản vay này có thời hạn dưới 6 tháng, với lãi suất của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ.

23.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái					
Khoản vay 1	2.094.000.000	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2027 đến ngày 9 tháng 12 năm 2027	Thanh toán quyền sử dụng đất phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thuốc	10	- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 01, Tờ bản đồ số 218/2018/BĐĐC, Tờ dân phố số 3, Phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái; - Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 01, Tờ bản đồ số 02/2014/BĐĐC, Tờ dân phố số 3, Phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái; - Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái.

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**23.3 Vay dài hạn ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái					
Khoản vay 1	2.383.240.917	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	Thanh toán các chi phí đầu tư của dự án cho vay vốn có định và tiền thuê đất trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian.	7,5	
Khoản vay 2	1.130.552.055	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2024 đến ngày 6 tháng 1 năm 2027	Thanh toán các chi phí đầu tư của dự án cho vay vốn có định và tiền thuê đất trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian.	7,5	- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của Thửa đất ở số 1 Đường Đại Đồng, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái. - Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái.
Khoản vay 3	676.000.000	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2024 đến ngày 30 tháng 12 năm 2024	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án cho vay vốn có định thanh toán tiền thuê đất trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian.	12,5	
Khoản vay 4	3.602.781.800	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2025 đến ngày 21 tháng 9 năm 2027	Mua sắm đầu tư máy móc	8 - 12,5	

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**23.3 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre					
Khoản vay 1	597.543.618	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2024 đến ngày 25 tháng 6 năm 2024	Sửa chữa kho	8	
Khoản vay 2	632.040.000	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2025 đến ngày 25 tháng 10 năm 2025	Cài đặt phần mềm ERP	8	
Khoản vay 3	1.001.000.000	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2024 đến ngày 24 tháng 4 năm 2025	Cài đặt phần mềm ERP	8	Thửa đất số 13, bản đồ số 5, số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre của Công ty.
Khoản vay 4	911.374.700	Từ ngày 25 tháng 10 năm 2025 đến ngày 25 tháng 7 năm 2025	Sửa chữa kho	8	
TỔNG CỘNG	13.028.533.090				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	4.693.240.917				
Vay dài hạn	8.335.292.173				

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**23.4 Các khoản thuế tài chính**

Chi tiết các khoản thuế tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	
Nợ thuế tài chính ngắn hạn					
Từ 1 năm trở xuống	2.046.574.192	362.997.541	1.550.059.013	347.213.165	1.202.845.848
Nợ thuế tài chính dài hạn					
Từ 1-5 năm	3.234.124.504	268.417.482	3.133.002.911	347.771.679	2.785.231.232
TỔNG CỘNG	5.280.698.696	631.415.023	4.683.061.924	694.984.844	3.988.077.080

24. QUỸ KHEN THƯỞNG. PHÚC LỢI

Số đầu năm
Trích lập quỹ
Sử dụng quỹ
Số cuối năm

	Năm nay	Năm trước	VND
	2.466.870.947	969.388.264	
	1.141.131.688	1.824.182.683	
	(1.847.802.524)	(326.700.000)	
	<u>1.760.200.111</u>	<u>2.466.870.947</u>	

25. VÓN CHỦ SỞ HỮU**25.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

Năm trước	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác	Lợi ích cổ đông không kiểm soát
Số đầu năm	142.051.160.000	523.056.160	(495.717.677)	9.354.804.815	2.536.822.093	8.349.164.535
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	199.506.643.203
Trích quỹ khen thưởng. phúc lợi	-	-	-	-	-	40.500.398.144
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(2.749.623.296)
Tăng thêm lợi ích trong công ty con	-	-	-	-	-	(650.900.000)
Điều chỉnh trong tài sản thuần của công ty liên kết	-	-	(1.026.103.249)	-	-	(10.683.365.000)
Khác	-	-	-	-	-	(1.026.103.249)
Số cuối năm	142.051.160.000	523.056.160	(1.521.820.926)	9.354.804.815	2.536.822.093	224.242.889.817

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm nay								VND
Số đầu năm	142.051.160.000	523.056.160	(1.521.820.926)	9.354.804.815	2.536.822.093	64.557.629.815	6.741.237.860	224.242.889.817
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (*)	14.203.610.000	-	-	-	-	(14.203.610.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu cho người lao động	7.000.000.000	-	-	-	-	-	-	7.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	16.194.822.010	1.271.366.123	17.466.188.133
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.124.468.956)	(16.662.732)	(1.141.131.688)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(1.227.742.800)	(26.957.200)	(1.254.700.000)
Giảm do thanh lý khoản đầu tư	-	-	2.548.507.623	-	-	-	-	2.548.507.623
Điều chỉnh trong tài sản thuần của công ty liên kết	-	-	(1.026.686.697)	-	-	-	-	(1.026.686.697)
Số cuối năm (*)	163.254.770.000	523.056.160	-	9.354.804.815	2.536.822.093	64.196.630.069	7.968.984.051	247.835.067.188

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ21 ngày 30 tháng 3 năm 2022, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 10% mệnh giá của cổ phiếu phổ thông bằng cổ phiếu. Vào ngày 10 tháng 3 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu để trả cổ tức nêu trên Theo đó, vốn cổ phần của Công ty đã tăng lên 156.254.770.000 VND và SKH&ĐT Tỉnh Bến Tre đã cấp GCNĐKDN lần thứ 20 vào ngày 14 tháng 3 năm 2023 phản ánh việc tăng vốn này.

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(**) Vào ngày 21 tháng 8 năm 2023, Công ty đã phát hành 700.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ21 ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Nghị quyết số 24/NQ-ĐHĐCĐ22 ngày 9 tháng 5 năm 2023, và phê duyệt của Hội đồng Quản trị theo các Nghị quyết HĐQT số 24/270223/NQ-DBT ngày 27 tháng 2 năm 2023, Nghị quyết số 26/270223/NQ-DBT ngày 27 tháng 2 năm 2023, Nghị quyết số 61/23/BC-DBT ngày 28 tháng 4 năm 2023, Nghị quyết số 96/020823/NQ-DBT ngày 3 tháng 8 năm 2023 và Nghị quyết số 99/210823/NQ-DBT ngày 21 tháng 8 năm 2023. Vào ngày 15 tháng 9 năm 2023, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 22 do SKH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp về việc tăng vốn cổ phần của Công ty từ 156.254.770.000 VND lên 163.254.770.000 VND.

25.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	142.051.160.000	142.051.160.000
Vốn góp tăng trong năm	21.203.610.000	-
Số cuối năm	163.254.770.000	142.051.160.000
Cổ tức đã chia		
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	14.203.610.000	-
Cổ tức đã công bố	-	14.203.610.000

25.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	16.325.477	14.205.116
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	16.325.477	14.205.116
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.325.477	14.205.116
Cổ phiếu đang lưu hành	16.325.477	14.205.116
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.325.477	14.205.116

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.5 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	16.194.822.010	37.990.840.748
Trừ: Quỹ khen thưởng và phúc lợi	<u>(2.019.362.976)</u>	<u>(921.885.220)</u>
Lợi nhuận thuần sau điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	14.175.459.034	37.068.955.528
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (*)	<u>15.880.545</u>	<u>15.625.477</u>
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>893</u>	<u>2.372</u>

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2022 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 24/NQ-ĐHCD22 ngày 9 tháng 5 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 đã được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận trong kỳ theo tỷ lệ quy định trong các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

(**) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 để phản ánh cổ tức được trả bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/ĐHCD ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	812.608.883.536	755.855.570.573
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	712.474.226.871	675.190.532.395
Doanh thu bán thành phẩm	98.699.998.603	79.427.773.164
Doanh thu cung cấp dịch vụ	717.858.062	585.628.650
Doanh thu từ cho thuê	716.800.000	651.636.364
Khoản giảm trừ doanh thu	(992.668.161)	(1.237.155.769)
Hàng bán bị trả lại	(992.668.161)	(1.233.995.769)
Chiết khấu thương mại	-	(3.160.000)
Doanh thu thuần	<u>811.616.215.375</u>	<u>754.618.414.804</u>
Trong đó:		
Doanh thu thuần từ bán thành phẩm	711.800.647.630	673.981.313.769
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa	98.380.909.683	79.399.836.021
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	1.434.658.062	1.237.265.014
Trong đó:		
Doanh thu thuần đối với các bên khác	811.409.662.669	754.181.344.152
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	206.552.706	437.070.652

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.992.339.049	869.451.965
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.143.965.216	4.401.429.007
Khác	<u>1.388.000.000</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.524.304.265</u>	<u>5.270.880.972</u>

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	430.764.400.664	435.473.553.180
Giá vốn thành phẩm	71.146.191.340	67.710.514.729
Khác	<u>89.747.705</u>	<u>265.090.495</u>
TỔNG CỘNG	<u>502.000.339.709</u>	<u>503.449.158.404</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	39.533.199.590	26.248.992.969
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư	9.121.043.218	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	950.590.660	1.314.174.348
Khác	80.507.834	-
TỔNG CỘNG	49.685.341.302	27.563.167.317

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	192.202.575.281	162.002.259.065
Chi phí nhân viên	103.446.590.113	118.595.777.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.250.635.283	32.442.316.267
Chi phí hàng khuyến mãi	6.953.870.617	3.006.524.910
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.597.504.791	2.522.372.301
Khác	12.953.974.477	5.435.268.007
Chi phí quản lý doanh nghiệp	50.318.978.225	53.030.795.687
Chi phí nhân viên	24.571.719.016	31.106.840.306
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.549.767.126	11.685.907.825
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.805.301.415	2.858.204.833
Chi phí nghiên cứu	2.113.626.006	-
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 17)	328.461.516	328.461.516
Khác	6.950.103.146	7.051.381.207
TỔNG CỘNG	242.521.553.506	215.033.054.752

30. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	2.400.215.627	31.878.717.040
Lãi do thanh lý tài sản cố định	2.126.255.610	31.599.341.054
Khác	273.960.017	279.375.986
Chi phí khác	(2.238.288.612)	(228.334.090)
Tiền phạt thuế và truy thu thuế	(1.994.396.963)	-
Khác	(243.891.649)	(228.334.090)
TỔNG CỘNG	161.927.015	31.650.382.950

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hàng hóa	430.816.486.708	435.473.553.180
Chi phí nhân viên	142.874.710.450	164.032.481.861
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.231.316.631	47.023.279.195
Chi phí nguyên vật liệu	49.319.529.785	47.775.427.390
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12, 13, 14 và 17)	8.884.218.133	7.554.081.485
Chi phí khác	31.790.043.099	16.623.390.045
TỔNG CỘNG	743.916.304.806	718.482.213.156

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.405.614.667	12.033.430.793
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thừa những năm trước	(82.409.999)	(18.545.458)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(4.693.998.619)	(1.653.462.241)
TỔNG CỘNG	5.629.206.049	10.361.423.094

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.095.394.182	50.861.821.238
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	4.619.078.837	10.172.364.248
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	709.485.162	1.195.256.490
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư	1.834.607.741	-
Hao mòn lợi thế thương mại	65.692.303	-
Thuế hoãn lại chưa ghi nhận đối với lỗ chuyển sang các năm sau	2.176.893	85.852.407
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	(1.041.788.479)	-
Cổ tức được chia	(277.600.000)	-
Phần lãi từ công ty liên kết	(200.036.409)	(1.073.504.597)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	(82.409.999)	(18.545.454)
Chi phí thuế TNDN	5.629.206.049	10.361.423.094

32.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong năm hiện hành và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Chi phí trích trước	41.000.000	397.402.501	(356.402.501)	(699.758.531)
Chi phí lãi vay	7.172.464.929	5.543.193.149	1.629.271.780	1.540.581.097
Lợi nhuận chưa thực hiện	4.288.373.721	1.003.177.788	3.285.195.933	676.706.271
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chi phí cải tạo, sửa chữa kho và văn phòng	(559.519.216)	(695.452.623)	135.933.407	135.933.404
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	10.942.319.434	6.248.320.815		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			4.693.998.619	1.653.462.241

32.4 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

	VND				
	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2023	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2023	Chi phí lãi vay chưa được trừ chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2023
2018	2023	(i) 3.434.258.726	-	(3.434.258.726)	-
2019	2024	(i) 2.630.803.818	-	-	2.630.803.818
2020	2025	(i) 10.168.414.220	-	-	10.168.414.220
2021	2026	(i) 7.213.842.223	-	-	7.213.842.223
2022	2027	(i) 7.702.905.485	-	-	7.702.905.485
2023	2028	(ii) 8.146.358.899	-	-	8.146.358.899
TỔNG CỘNG		39.296.583.371	-	(3.434.258.726)	35.862.324.645

- (i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN theo biên bản quyết toán thuế.
- (ii) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty mẹ và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.4 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định (tiếp theo)

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trị giá 7.172.464.929 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đối với khoản chi phí lãi vay không được trừ nói trên (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5.543.193.149 VND).

32.5 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.897.206.496 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6.659.460.180 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể sử dụng đến	Lỗ tính thuế	VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
2020	2025	1.380.587.822 (*)	(1.380.587.822)	-
2021	2026	5.278.872.358 (*)	(3.828.354.570)	- 1.450.517.788
2022	2027	435.804.245 (*)	-	- 435.804.245
2023	2028	10.884.463 (*)	-	- 10.884.463
TỔNG CỘNG		7.106.148.888	(5.208.942.392)	- 1.897.206.496

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan khác của Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau :

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT
Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	Thành viên Ủy ban Kiểm toán, Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 2 tháng 8 năm 2023)
Ông Trần Huy Chương	Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán (đến ngày 9 tháng 5 năm 2023)
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Giám đốc Tài chính
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con
Công ty Cổ phần Bepharco Healthcare	Công ty con
Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare	Công ty liên kết (từ ngày 30 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết (đến ngày 22 tháng 6 năm 2023)

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare	Cho vay	35.000.000.000	-
	Tạm ứng	5.595.668.600	-
	Đặt cọc	3.000.000.000	-
	Chi phí thuê kho	2.141.000.000	-
	Lãi cho vay	615.780.818	-
	Cung cấp dịch vụ	50.000.000	-
Bán hàng hóa	1.544.400	-	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Cổ tức	1.268.085.000	2.958.865.000
	Bán hàng hóa	155.008.306	441.570.652
	Trả lại hàng	-	4.500.000

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare	Cung cấp dịch vụ	34.098.840	-
	Bán hàng hóa	-	102.782.058
		34.098.840	102.782.058

Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare	Bán hàng hóa	5.595.668.600	-
------------------------------------	--------------	---------------	---

Phải thu về cho vay ngắn hạn

Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare	Cho vay (*)	20.000.000.000	-
------------------------------------	-------------	----------------	---

(*) Đây là khoản vay tín chấp có thời hạn 6 tháng, với lãi suất 8%/năm.

Phải thu ngắn hạn khác

Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare	Đặt cọc	3.000.000.000	-
	Lãi cho vay	210.410.959	-
		3.210.410.959	-

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán Nội bộ và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	VND	
		Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	1.658.896.509	996.970.000
Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	1.894.631.963	1.438.160.000
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	1.485.631.963	1.113.483.142
Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	Thành viên Ủy ban Kiểm toán, Thành viên HĐQT	150.000.000	60.000.000
Ông Trần Huy Chương	Thành viên HĐQT Thành viên Ủy ban Kiểm toán (đến ngày 9 tháng 5 năm 2023)	72.903.226	60.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 2 tháng 8 năm 2023)	77.096.774	-
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Giám đốc tài chính	612.801.963	-
Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch trước đây	-	346.420.000
TỔNG CỘNG		5.951.962.398	4.015.033.142

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

34. CÁC CAM KẾT

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	4.250.024.570	4.455.483.445
Từ 1 - 5 năm	10.276.926.104	17.949.845.909
Trên 5 năm	18.285.766.391	27.248.186.616
TỔNG CỘNG	32.812.717.065	49.653.515.970

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	268.818.361	314.160.000
Từ 1 - 5 năm	-	745.360.000
TỔNG CỘNG	268.818.361	1.059.520.000

35. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
USD	412	88.802
EUR	8.339	17.265

36. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Ngày 9 tháng 1 năm 2024, Nhóm Công ty đã tiến hành việc nhận chuyển nhượng thêm 16% vốn góp trong Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare ("Ypharco Healthcare") từ nhà đầu tư khác của công ty này với tổng giá trị chuyển nhượng là 14.400.000.000 VND. Theo đó, Ypharco Healthcare trở thành công ty con của Nhóm Công ty từ ngày này.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Nguyễn Thùy Dung
Người lập



Nguyễn Viết Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre
Bến Tre, ngày 17 tháng 04 năm 2024

Người đại diện theo pháp luật

(đã ký)

